

Số: 481 /BVCTCH-TTB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2025

V/v Yêu cầu báo giá Khớp nhân tạo

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Chấn thương Chính hình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Khớp nhân tạo năm 2025 thuộc dự toán mua sắm thường xuyên với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Chấn thương Chính hình

Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Trần Kim Sang, Phòng Vật tư – Trang thiết bị y tế

Điện thoại: 028-38 366 991; 098 9110721

Email: trankimsang73@yahoo.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp bản giấy báo giá tại địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Đồng thời, Nhận qua email: ttbinh.bvctch@gmail.com, trankimsang73@yahoo.com;

Hồ sơ gồm:

- File scan + file excel của “Báo giá” và “Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm”;

- File scan các tài liệu liên quan đến thông tin sản phẩm.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 30 phút ngày 08 tháng 3 năm 2025 đến trước 15 giờ 30 phút ngày 18 tháng 3 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Khớp nhân tạo theo “Bảng mô tả tính năng kỹ thuật” đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp; yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa:

2.1. Địa điểm cung cấp:

Bệnh viện Chấn thương Chính hình

Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa:

- Hàng hóa còn nguyên vẹn, không bị hư hao trong quá trình vận chuyển.

- Có hướng dẫn bảo quản sản phẩm.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo từng đợt đặt hàng của Chủ đầu tư. Thời gian giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt đặt hàng trong vòng 90 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hóa đơn tài chính.

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu thực hiện báo giá theo đúng mẫu “Báo giá” và điền đầy đủ thông tin vào “Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm” đính kèm.

- Căn cứ vào “Bảng mô tả tính năng kỹ thuật”, nhà thầu lựa chọn sản phẩm chào giá cho phù hợp.

- Nhà thầu có thể chào sản phẩm có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn và phải chứng minh rõ ràng đầy đủ trong “Bảng thông tin kỹ thuật sản phẩm”.

(Đính kèm theo Bảng mô tả tính năng kỹ thuật).

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Web BV Chấn thương Chỉnh hình;
- Lưu: VT, TTB (03b).





BẢNG MÔ TẢ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT

(Kèm theo công văn số 481 /BVCTCH-TTB ngày 07 tháng 3 năm 2025)

| Stt | Tên thiết bị y tế (Thiết bị, hóa chất, vật tư, IVD) | Đơn vị tính | Số lượng mời thầu | Tính năng, cấu hình kỹ thuật |
|-----|---|-------------|-------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| I | Khớp gối | | | |
| 1 | Bộ khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định | Bộ | 80,00 | <p>Thiết kế BALAN SEE bán kính đơn (0-95°) hạn chế cắt bỏ xương đùi xa và sau bằng nhau định hình và tái tạo cân bằng dây chằng, độ gập duỗi tối đa 150°</p> <ul style="list-style-type: none">- Thiết kế kiểu patellofemoral bảo tồn xương, cơ chế khóa chèn xương chày đa hướng mạnh mẽ. <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu hợp kim CoCr, loại lõi cầu đùi trái/ phải với 15 size, 10 kiểu chuẩn (PS) và 5 kiểu mở rộng (PS+) đối với size 3N, 4N, 5N, 6N, 7N. <p>2. Mâm chày (Tibial Plate):</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu Ti-6Al-4V với 9 kích cỡ sử dụng <p>Chiều ngang: 58, 61, 64, 67, 70, 74, 77, 80 và 85mm. Chiều sâu (trước sau): 38, 40, 42, 44, 46, 49, 52, 55 và 59mm</p> <p>3. Lớp đệm mâm chày (Tibial Bearing):</p> <ul style="list-style-type: none">- Thiết kế kiểu PS và PS +; chất liệu Vitamin E highly crosslinked, kích thước từ 9 -25mm với 8 độ dày khác nhau <p>4. Bánh chè (Patellar Component):</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu polyethylene gồm 6 kích cỡ 27; 29; 32; 35; 38; 41mm, độ dày 7.5; 8.5; 9; 9.5; 10mm <p>5. Xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đóng gói tiệt trùng, kèm dung dịch pha. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA/ CFS</p> |
| 2 | Khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định PS, góc gập gối 155 độ | Bộ | 50,00 | <p>*Thiết kế phù hợp với kỹ thuật mổ cắt dây chằng chéo sau</p> <p>01. Lõi cầu xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, phủ SpheroGrip- Có tối thiểu 8 cỡ lõi cầu đùi, tăng dần từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn, phân biệt trái/ phải, kích cỡ trước sau trong khoảng từ 52mm đến 72mm, kích cỡ trong ngoài trong khoảng từ 55mm đến 77mm (1,1B,2,2A,2B,3,4,5). <p>02. Mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu hợp kim Co-Cr hoặc Titan hoặc hợp kim Titan, và phủ SpheroGrip- Thiết kế nhiều kích cỡ khác nhau, tăng dần từ nhỏ đến lớn, phù hợp với lõi cầu đùi. Kích cỡ trước sau khoảng từ 42mm đến 56mm, kích cỡ trong ngoài khoảng từ 62mm đến 85mm- Có chuỗi chuẩn hoặc chuỗi dài, có 5 kích cỡ trái và phải: 1,2,3,4,5. <p>03. Lớp lót mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu Polyethylene cao phân tử.- Có chốt dừng (post-cam) hỗ trợ chống trượt ra sau.- Được thiết kế phù hợp với mâm chày và lõi cầu đùi tương ứng, mỗi kích cỡ có nhiều bề dày khác nhau từ thấp lên cao, bước tăng $\leq 2\text{mm}$, có 8 kích cỡ trái và phải (1,1B,2,2A/2B,3,4,5), có 5 độ dày 10,12,14,16,18mm- Thiết kế kiểu cố định (Fix bearing). <p>04. Bánh chè:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chất liệu Polyethylene cao phân tử.- Có nhiều kích cỡ khác nhau, tăng dần từ cỡ nhỏ đến cỡ lớn. <p>* 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha.</p> <p>Có chứng nhận tiêu chuẩn ISO và CE.</p> |

| | | | | |
|---|--|-----|-------|--|
| 3 | Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC- vitamin E bảo tồn xương tối đa | Cái | 50,00 | <p>1. Lõi cầu đùi: Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 5 độ, độ gập gối tối đa ≥ 155 độ, rãnh bánh chè được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Thiết kế không cần cắt xương tại rãnh liên lõi cầu.</p> <p>Rãnh liên lõi cầu có khe rộng 18mm cho mọi cỡ</p> <p>Có 13 cỡ mỗi bên trái và phải với bước nhảy 2mm/cỡ, độ rộng trong ngoài từ 56mm đến 80mm và độ rộng trước sau từ 52mm đến 76mm.</p> <p>2. Lớp lót PE có bổ sung vitamin E Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E. Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngầm cùng với rãnh trượt. Độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm. Có 5 cỡ: 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm.</p> <p>3. Mâm chày Vật liệu hợp kim Titanium alloy (Ti-6Al-4V) không có lỗ mặt trên, dạng module có đầu chờ để gắn thêm miếng ghép bù xương 5mm và 10mm hoặc có thể gắn thêm chuỗi nối dài xuống xương chày 30mm. Mặt dưới có vân nhám, độ dày 3mm, chân mâm chày dài 33mm-42mm. Mâm chày có 8 cỡ từ 0-7 tương ứng với độ rộng trong/ngoài: 60mm-84mm và độ rộng trước/sau: 39.5mm-58.5mm.</p> <p>4. Bánh chè: Vật liệu Polyethylene liên kết chéo. Thiết kế bánh chè dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm, 29mm, 32mm, 35mm, 38mm, 41mm, 44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm.</p> <p>5. Xi măng xương có độ quán trọng trung bình. Tiêu chuẩn FDA hoặc CE/ISO.</p> |
| 4 | Khớp gối toàn phần cố định Knee Module Ultra-Congruent dạng Boxless | Bộ | 70,00 | <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component): - Chất liệu: CoCrMo. Kích cỡ: Có 18 cỡ trái phải: 12 anatomical sizes; 6 Skinny sizes. Lõi cầu dày 9mm và BOXless - Nghiêng trước 4° để giảm notching. Rãnh bánh chè 6 độ; Lõi cầu đùi và lớp đệm luôn luôn cùng kích thước. Độ duỗi uốn gối trên 10° và gập tối đa; khớp cốt CAM 80° ở vị trí an toàn; đỉnh chống trật khớp (Jump Height) trên 15mm.</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate): - Chất liệu: CoCrMo bóng như gương đoạn cuối có nút mâm chày (Tibial Plug). Kích cỡ: 6 cỡ đồng dạng, dạng mô-đun hoàn hảo: bất kỳ size nào của insert cũng đều tương thích với bất kỳ size nào của mâm chày. Mâm chày tương thích với 28 cỡ cuống xương chày.</p> <p>3. Lớp đệm Biolock coupling (Tibial Insert): - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử. Kích cỡ: 6 cỡ từ 1-6, độ dày: 10, 12, 14, 16mm - Kiểu UC/CR/FXD/PS FXD/ DC Dynamic mặt trong lớp đệm hình cầu cho phép lõi cầu đùi xoay quanh trục trong lúc gập gối. Dạng hy sinh dây chằng chéo sau, mặt trước nhô cao nhằm tránh khớp gối trượt ra phía trước, cơ chế khóa Biolock độc nhất và vít tăng cường. Vít M5 được thiết kế đặc biệt nhằm ngăn chặn vít bung ra khỏi lớp đệm. Lực xoắn tháo vít tương đương 3.4Nm; mỗi lớp đệm đều tương thích với tất cả các cỡ của mâm chày. Tương thích với bộ trợ cụ của GB có tính năng chính như sau: Vi chỉnh góc Valgus/Varus 0-9°; vi chỉnh Extra rotation +/-9°; Slope mâm chày 0-9°, kiểm tra chéo độ xoay ngoài lõi cầu đùi và cỡ lõi cầu đùi AP; di chuyển AP từng milimet; kiểm tra khoảng gập và độ xoay ngoài lõi cầu đùi trực tiếp trên 4in1 Block trước khi cắt. Tương thích với hệ thống định vị cắt thông minh kết nối bằng Bluetooth và cảm biến PERSEUS</p> <p>4. Bánh chè (Patella): - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử, Kích cỡ: 28, 32, 36mm</p> <p>5. Xi măng: loại không kháng sinh hoặc có kháng sinh Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |

| | | | | |
|---|---|----|-------|--|
| 5 | Khớp gối toàn phần cố định đa trục dạng J Global Knee vây cá 130 độ | Bộ | 70,00 | <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: gồm 14 cỡ: 7 cỡ Standard và 7 cỡ Narrow mặt trong ngoài lõi cầu giảm 4mm - Đa trục, dạng chữ J: trục R1 giúp tiếp xúc tối đa với lớp đệm, giúp gối vững hơn; R2 giảm mức độ gối trượt về phía sau; R3 làm giảm bề mặt tiếp xúc khi gấp gối hoàn toàn, 4° chêm mặt cắt trước. Độ dày đoạn xa 8mm và lõi cầu phía sau dày 8mm, gấp 140°, khoảng cách trước sau 38-58mm; khoảng cách giữa 2 lõi cầu trong ngoài là 19mm. Rãnh xi măng 0.5mm. Dạng UC hoặc GMK PS có thể điều chỉnh độ xoay trục +/-10 độ chống lại việc cần 2 bên lõi cầu. Tương thích với định vị All In One cutting 5in1 <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cobalt-Chrome (ISO 5832-4). Kích cỡ: 6 cỡ Trái và 6 cỡ Phải, đánh số từ 1-6. - Thiết kế không đối xứng trái-phải nhằm tăng cường tối đa độ che phủ xương. Cuống dài 34mm dịch chuyển về phía trước 3mm, dạng vây cá 130° rộng 45-55mm. Rãnh xi măng 0.5mm. <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2), loại STD, UC, DC, PS. Kích cỡ: có 6 cỡ khác nhau có độ dày: 10, 12, 14, 17, 20mm hoặc dày 7, 9, 11, 14, 17mm - Mặt trước cao 5.65-6.80mm, mặt sau cao 1.30-2.60mm, đỉnh cao chống trật trước từ 8,50-10,00mm. Cốt CAM cao 18mm. Vít cố định bằng Ti6Al4V (ISO 5832-3); được khóa chặt vào mâm chày bằng cơ chế "rãnh kẹt". <p>4. Bánh chè (Patella):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: UHMWPE (ISO 5834-2). Kích cỡ: 4 cỡ gồm S1, S2, S3, S4. <p>5. Xi măng: loại không kháng sinh hoặc có kháng sinh</p> <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 6 | Khớp gối toàn phần cố định có xi măng | Bộ | 70,00 | <ul style="list-style-type: none"> * Lõi cầu đùi: hợp kim Co-Cr-Mo, có mẫu "Cam" ngăn ngừa trật khớp. Hình dạng cong tăng tầm hoạt động của xương bánh chè. Có 9 size từ F3 - F12 * Mâm chày: Hợp kim Co-Cr-Mo, dạng cố định (fixed bearing) PS, có vòng tăng cường chịu lực, chứa lớp đệm, rãnh dọc chống xoay. Trụ mâm chày nghiêng 3° thiết kế phù hợp giải phẫu sinh lý, có 9 size T3 - T12 * Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, kiểu cố định (Fixed Type), hình dạng phù hợp lõi cầu tăng sự tiếp xúc, chống trật, lõi cầu đùi có khả năng xoay trên bề mặt đĩa đệm, có 9 size FI 3 - FI 12, mỗi size có 9 độ dày lớp đệm từ 10 - 26mm * Bánh chè: Polyethylene cao phân tử, dạng 3 chân (peg) hình vòm (dome), chân dài 5.5mm, biên ngoài 1.5mm, size Ø26 - 40mm. * Xi măng xương có kháng sinh |
| 7 | Khớp gối bán phần có xi măng loại cố định | Bộ | 70,00 | <ul style="list-style-type: none"> * Bán cầu đùi: hợp kim CoCrMo (ISO 5832-4), có 4 cỡ F1 - F4 mỗi bên trái phải. * Lớp đệm: nhựa PE cao phân tử UHMWPE (ISO 5834-1/2), kiểu cố định, độ dày 9-10-11-12-14mm * Mâm chày bán phần: hợp kim CoCrMo (ISO 5832-4), có 5 cỡ T1 - T5 mỗi bên trái phải. * Xi măng xương có kháng sinh |
| 8 | Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, góc gấp gối 130 độ | Bộ | 70,00 | <p>Chất liệu Cobalt-Chrome, có 9 kích cỡ, từ 0 đến 8, được thiết kế cho gối trái và phải, được phủ 2 lớp Plasma sprayed titanium (80µm) và HAP (80µm).</p> <p>1. Lõi cầu đùi (Femoral Component):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr). - Lõi cầu gồm 9 kích cỡ phải và trái. - Mặt cong đơn từ 0 độ tới 100 độ, mặt cắt phía trước nghiêng 6 độ. - Độ rộng lõi cầu đùi tăng đều 2mm cho các kích cỡ từ 0 đến 4 và tăng đều 3.2mm cho các kích cỡ từ 4 đến 8. - Độ cao lõi cầu đùi tăng đều 2.6mm giữa các kích cỡ. <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplate):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được thiết kế dùng chung cho gối trái và gối phải. - Kiểu Fixed-Bearing, ổn định phía sau. - Vật liệu: Cobalt Chrome có phủ plasma titanium 80µm. <p>3. Lớp đệm (Tibial Insert)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: UHMW Polyethylene. - Có 6 độ dày: (từ 10 đến 20mm) <p>4. Bánh chè:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: UHMW Polyethylene. - Thiết kế: gồm 2 dạng (Inset và Onset). - Kích cỡ: 23mm, 26mm, 29mm cho Inset - Kích cỡ: 30mm, 33mm, 36mm cho Onset <p>5. Xi măng có kháng sinh Gentamycine.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|--|
| 9 | Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng phương pháp hi sinh dây chằng chéo sau, lõi cầu chất liệu zirconium&niobium | bộ | 50,00 | <p>1. Lõi cầu xương đùi (Femoral Components) chất liệu OXINIUM (Oxidized Zirconium) với 11 cỡ, phân biệt chân trái/phải: 7 cỡ tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 4 cỡ hẹp 3N, 4N, 5N, 6N. Chiều trong - ngoài từ 58-80mm, chiều trước-sau từ 50-75mm. Hộp ổn định lõi sau có tường phía trước</p> <p>2. Mâm chày (Tibial Baseplates) có 8 cỡ, phân biệt chân trái/phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Chiều trước sau từ 42mm-59mm, chiều trong ngoài từ 60-85mm. Dốc 3 độ, bề dày 2.3mm.</p> <p>3. Đĩa đệm mâm chày (Insert) chất liệu XLPE với 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6,. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18, 21, 25mm</p> <p>4. Bánh chè (Patella) với đường kính: 23, 26, 29, 32, 35mm</p> <p>5. Xi măng xương Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII.</p> <p>Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường.</p> |
| 10 | Khớp gối toàn phần cố định có xi măng, loại ổn định phía sau, có nối thêm chuỗi dài | Bộ | 60,00 | <p>1. Lõi cầu đùi, có xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum hoặc tương đương - Có ≥ 11 kích cỡ mỗi bên (trái/phải), độ dày mặt trước từ 6.7mm đến 7.2mm - Biên độ chuyển động tối đa $\geq 135^\circ$, góc gấp gối từ 0° đến 100° - Mặt cắt phía trước nghiêng tối thiểu 6° và mặt cắt phía sau nghiêng tối thiểu 3° <p>2. Mâm chày, có xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum hoặc tương đương - Có ≥ 11 kích cỡ mỗi bên (trái/phải), chiều dài từ 58mm đến 84mm, bước tăng 2.6mm - Có thể nối thêm chuỗi đường kính từ 12mm đến 14mm, dài từ 30mm đến 70mm <p>3. Lớp đệm mâm chày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Polyethylen cao phân tử (UHMW-PE) hoặc tương đương - Có ≥ 11 kích cỡ - Có hệ thống khóa chống trật, chiều cao của cạnh trước từ 9mm đến 17mm <p>4. Bánh chè:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Polyethylen cao phân tử (UHMW-PE) hoặc tương đương - Thiết kế với 3 chân cắm và được cố định bằng xi măng - Đường kính từ 27mm đến 39mm; độ dày ≤ 8.5mm <p>5. Xi măng: Xi măng có / không có kháng sinh</p> |
| 11 | Khớp gối toàn phần Vega FB, gấp gối tối đa 160 độ | Bộ | 60 | <p>Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lõi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mắc cảm với Cobalt và Chrome, lõi cầu đùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lõi cầu lên bề mặt xương, gấp gối tối đa 160 độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7, F8. - Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent (UHMWPE -ISO 5834-2) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiên cứu sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp. - Mâm chày thiết kế dạng vây cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5. <p>Cơ chế kết hợp Mâm chày và lõi cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> + T0: F1, F2, F3, khả thi F4 + T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5 +T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6 + T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7 +T4: F4, F5, F6, F7, Khả thi F3 +T5 :F5, F6, F7, Khả thi F4 <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> |

| | | | | |
|-----------|--|----|-------|--|
| 12 | Khớp gối toàn phần nhân tạo, lớp đệm phủ Vitamin E, bánh ch  phủ vitamin E | Bộ | 50,00 | <p>1. L i cầu đ i: Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 15  ,   gập gối tối  a ≥ 145  , rãnh bánh ch  được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Thiết kế cắt xương tại rãnh liên l i cầu. C  9 c  mỗi bên trái và phải . +Tương  ng kích thước l i cầu trong ngo i (mm): 59, 61, 64, 66, 68, 71, 73, 75, 79. +Tương  ng kích thước l i cầu trước sau (mm): 53, 56, 58, 61, 63, 66, 68, 70, 72. +L i cầu sau bất  ối xứng. Được đánh bóng với chất liệu hợp kim cobalt chromium CoCrMo</p> <p>2. Lớp lót: PE c  bổ sung vitamin E Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E. C  gờ khóa bằng cơ chế khóa ng m c ng với rãnh trượt. C  9 c  (1- 9) tương  ng bề dày m m ch y 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm. +Các sise lớp đệm c    độ dày nhỏ nhất 6mm giúp bảo tồn xương tối  a.</p> <p>3. M m ch y : M m ch y với 9 kích c : size 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Thiết kế hệ thống trượt khóa m m ch y với lớp đệm +Tương  ng kích thước m m ch y trong ngo i (mm): 59, 63, 67, 71, 75, 79, 83, 87, 91. +Tương  ng kích thước m m ch y trước sau (mm): 38, 41, 43, 46, 48, 51, 53, 56, 58. +Tương  ng chiều cao m m ch y (mm): 33, 33,36, 36, 36, 36, 39, 39, 39.</p> <p>4. Bánh ch : Bánh ch  (Patella) với đường kính: 25, 28, 31, 34, 37mm;   độ dày c  2 kích c  7.5mm và 10mm, t i tạo bề mặt oval, t i tạo bề mặt cầu, hai mặt l i. Chất liệu polyethylene VE Highly cross-linked UHMWPE, c  Vitamin E. Tiêu chuẩn: CE</p> |
| 13 | Khớp gối toàn phần nhân tạo c  hệ thống rãnh trượt khóa m m ch y với lớp đệm, l i cầu chất liệu COCR, dạng PS, Hi-Flex | Bộ | 50,00 | <p>1. L i cầu đ i: Vật liệu Cobalt Chrome, cạnh dày 9mm, mặt trước nghiêng 15  ,   gập gối tối  a ≥ 145  , rãnh bánh ch  được thiết kế phù hợp với khớp gối tự nhiên. Thiết kế cắt xương tại rãnh liên l i cầu. C  9 c  mỗi bên trái và phải. +Tương  ng kích thước l i cầu trong ngo i (mm): 59, 61, 64, 66, 68, 71, 73, 75,79. +Tương  ng kích thước l i cầu trước sau (mm): 53, 56, 58, 61, 63, 66, 68, 70, 72. +L i cầu sau bất  ối xứng. Được đánh bóng với chất liệu hợp kim cobalt chromium CoCrMo</p> <p>2. Lớp lót: Vật liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo. C  gờ khóa bằng cơ chế khóa ng m c ng với rãnh trượt. C  9 c  (1- 9) tương  ng bề dày m m ch y 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm. +Các sise lớp đệm c    độ dày nhỏ nhất 6mm giúp bảo tồn xương tối  a.</p> <p>3. M m ch y : M m ch y với 9 kích c : size 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Thiết kế hệ thống trượt khóa m m ch y với lớp đệm +Tương  ng kích thước m m ch y trong ngo i (mm): 59, 63, 67, 71, 75, 79, 83, 87, 91. +Tương  ng kích thước m m ch y trước sau (mm): 38, 41, 43, 46, 48, 51, 53, 56, 58. +Tương  ng chiều cao m m ch y (mm): 33, 33,36, 36, 36, 36, 39, 39, 39.</p> <p>4. Bánh ch : Bánh ch  với đường kính: 25, 28, 31, 34, 37mm;   độ dày c  2 kích c  7.5mm và 10mm, t i tạo bề mặt oval, t i tạo bề mặt cầu, hai mặt l i. Chất liệu polyethylene. Tiêu chuẩn: CE</p> |
| II | Khớp gối đ ng cho b r u xương | | | |
| 14 | Bộ khớp gối với phần l i cầu bản rộng | Bộ | 5,00 | <p>Chất liệu: CoCrMo + Titanium + UHMWPE. Kích c  L i cầu (b  khối u): 2(56mm)/ 4(61mm)/ 6(66mm)/ 8(71mm)/ 10(76mm); Chiều d i l i cầu: 70mm, c  khớp nối với chuỗi khớp c  định  ng t y; Size M m ch y tương th ch với size l i cầu: 2/4/6/8/10; Đệm m m ch y cao: 9mm. Đ ng gói: T t khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485</p> |
| 15 | Bộ khớp gối với phần m m ch y bản rộng | Bộ | 5,00 | <p>Chất liệu: CoCrMo + Titanium + UHMWPE. Kích c  M m ch y (b  khối u): 2(58mm)/ 4(64mm)/ 6(70mm)/ 8(76mm)/ 10(82mm). Chiều d i m m ch y: 62mm, c  khớp nối với chuỗi khớp c  định  ng t y. Size L i cầu tương th ch với size m m ch y: 2/ 4/ 6/ 8/ 10 . Đệm m m ch y cao: 9mm. Đ ng gói: T t khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485</p> |

| | | | | |
|------------|--------------------------------------|-----|-------|--|
| 16 | Chuôi khớp nối đầu xa lõi cầu | Cái | 5,00 | Chất liệu: Titanium, Côn 12/14, Góc nghiêng 135 độ, Chiều dài cổ: 50mm, Đường kính thân 24mm. Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 17 | Khớp nối đầu xa lõi cầu | Cái | 5,00 | Chất liệu: Titanium + UHMWPE Chiều dài: 105/ 115/ 125/ 135mm. Đường kính: 11/ 12/ 13mm. Chiều dài modul kết nối: 30/ 40/ 50/ 60mm Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 18 | Chuôi khớp nối mâm chày cho khớp gối | Cái | 5,00 | Chất liệu: Titanium. Chiều dài khớp nối: 40/ 50/ 60/ 70/ 80/ 90/ 100/ 110/ 120mm. Đường kính khớp nối: 24mm. Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 19 | Chỗm xương đùi | Cái | 5,00 | Chất liệu: Cobalt-Chrome (CoCr); Đường kính: 22, 28, 32, 36, 40mm; Phần bù offset tương ứng: -4.0, -3.5, 00, +3.5, +4.0, + 7.0mm Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 20 | Chỗm khớp lưỡng cực | Cái | 5,00 | Chất liệu: Lớp vỏ bằng hợp kim thép không gỉ, đánh bóng cao. Lớp lót từ nhựa cao phân tử UHMWPE; Đường kính ngoài: từ 37mm đến 63mm. Đường kính trong: 22mm và 28mm. Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 21 | Ổ cối | Cái | 5,00 | Chất liệu: Titanium (Ti-6Al-4V-ELI) phủ nhám: độ nhám Rt 300-600 μm , độ dày $500 \pm 100\mu\text{m}$, lực bám $\geq 35\text{Mpa}$. Có tính năng cắt côn bên trong và khóa vành. Có 2 hoặc 3 lỗ bắt vít. Đường kính ngoài: từ 40 đến 70 mm (gia số 2 mm). Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 22 | Lót ổ cối | Cái | 5,00 | Chất liệu: highly cross - link HXLPE (chống mài mòn); Kích cỡ: 35, 37, 40, 44, 48, 52mm Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 23 | Vít ổ cối | Cái | 5,00 | Chất liệu hợp kim Titanium; Đường kính: 6.5 mm; Chiều dài: 15, 20, 25, 30, 35, 40mm. Đóng gói: Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| 24 | Xi măng | Gói | 30,00 | Độ nhớt cao Có chứa chất Zirconium dioxide, đảm bảo tối ưu hình ảnh X-Quang, giúp đánh giá sự phân phối của xi măng trong xương và xung quanh implant (dễ phân biệt với xương trên hình ảnh X.Quang). Đóng gói: 40g bột + 20ml dung dịch pha Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| III | Khớp gối thay lại | | | |

| | | | | |
|----|---|-----|-------|--|
| 25 | Khớp gối toàn phần có xi măng loại mono bán lẻ - xoay chuỗi dài phù hợp thay lại và mất chức năng dây chằng | Bộ | 1,00 | <p>01. Phần xương đùi bán lẻ :</p> <p>Làm từ hợp kim CoCrMo, cấu tạo tương thích giải phẫu học. Có 04 cỡ lõi cầu đùi phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (tương ứng với x-small 55/160mm, small 60/182mm, medium 65/185mm, large 75/190mm), Có bán lẻ kết nối với mâm chày, chuỗi vẹo ngoài sẵn 6 độ góc gấp gối 142 độ. Tối ưu cho các bệnh nhân mất chức năng của các dây chằng Phần mâm chày có chốt bán lẻ: Kiểu xoay lúc gấp và khóa xoay lúc duỗi tối đa để đi lại, làm từ hợp kim CoCrMo. Có 04 cỡ mâm chày phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (chiều dài x-small/120mm, small/160mm, medium/160mm, large/ 160mm). Có chốt cố định bán lẻ liên kết với lõi cầu tăng tối đa sự cố định các thành phần. Phần insert mâm chày: Vật liệu Polyethylene cao phân tử khóa xoay, có vít cố định với mâm chày. Phần insert mâm chày (PE Articular Surfaces): Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) khóa xoay, có vít cố định với mâm chày.</p> <p>02. Phần đệm cho mâm chày (Tibial Spacers): Bảng chất liệu nhựa siêu bền các cỡ: x-small/5,10,15mm, small/5,10,15mm, medium/5,10,15mm, large/5,10,15mm sử dụng cho khuyết xương mâm chày. * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha. Có chứng nhận tiêu chuẩn ISO và CE</p> |
| 26 | Bộ khớp gối toàn phần thay lại PSA | Cái | 4,00 | <p>1. Lõi cầu đùi (số lượng: 01 cái) chất liệu Cobalt Chrome (Co-Cr), độ rộng trong ngoài: 56mm đến 76mm và độ rộng trước sau 52mm -72mm (bước nhảy 4mm). Thiết kế dạng cốt-cam khớp với cuống mâm chày. Chân lõi cầu có cấu tạo đầu chờ để gắn chuỗi nối dài và gắn thêm mảnh ghép. Có 6 cỡ mỗi bên từ 1-6 và 2 bên trái-phải.</p> <p>2. Lớp lót PE có bổ sung vitamin E (số lượng: 01 cái) chất liệu Polyethylene Crosslink cao phân tử liên kết chéo bổ sung vitamin E (E-XPE). Thiết kế có cấu tạo cốt cam bằng PE. Có gờ khóa bằng cơ chế khóa ngàm chắc chắn, cùng với rãnh trượt phía dưới. Chiều cao cốt cam lên tới 21.4mm; xoay trong/ngoài $\geq 3.7^\circ$ và vẹo trong/ngoài $\leq 1.4^\circ$. Độ dày lớp đệm này có 8 cỡ từ 9mm, 11mm, 13mm, 15mm, 18mm, 21mm, 25mm, 30mm.</p> <p>3. Mâm chày (số lượng: 01 cái) chất liệu bằng hợp kim Titanium, có 6 cỡ từ 1 đến 6 với độ rộng trong ngoài: 63-80mm và độ rộng trước/sau: 42-55.5mm tùy theo kích cỡ. Chân mâm chày có cấu tạo đầu chờ để gắn chuỗi nối dài. Có thể gắn thêm mảnh ghép bù xương cho cả khoang trong và khoang ngoài. Có thể gắn đầu chuyên trực trong trường hợp mất mốc giải phẫu.</p> <p>4. Bánh chè (số lượng: 01 cái) chất liệu Polyethylene liên kết chéo. Thiết kế bánh chè dạng vòm với 3 chân cố định và rãnh chứa xi măng. Có 7 cỡ với các đường kính 26mm, 29mm, 32mm, 35mm, 38mm, 41mm, 44mm ứng với độ dày 7mm, 8mm, 8.5mm, 9mm, 9.5mm, 10mm, 10.5mm.</p> <p>5. Xi măng xương:(số lượng: 01 túi): Xi măng xương có độ quánh trung bình. Tiêu chuẩn FDA hoặc CE/ISO.</p> |
| 27 | Miếng ghép bù xương phía sau lõi cầu đùi | Cái | 8,00 | <p>Vật liệu bằng Cobalt Chrome. Bù xương lõi cầu sau: dạng cạnh tròn, 6 cỡ, độ dày 4 hoặc 8mm. Bù xương đầu xa: dạng cạnh vuông, 6 cỡ, độ dày 4/8/12/16mm. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p> |
| 28 | Miếng ghép bù xương mâm chày | Cái | 12,00 | <p>Vật liệu bằng hợp kim Titanium, thiết kế dạng cạnh tròn khuyết cho cả khoang trong và khoang ngoài, có 6 cỡ và có độ dày 5mm, 10mm, 15mm. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p> |
| 29 | Chuỗi nối dài xương đùi | Cái | 4,00 | <p>1. Chuỗi nối dài xương đùi vật liệu hợp kim Titanium, có thiết kế dạng thẳng hoặc dạng cong giúp nối dài trong lòng tủy xương đùi tăng độ vững cho khớp. Chuỗi có độ dài (30/75/100/150/ 200mm) với dạng thẳng, (150mm /200mm) với dạng cong và có 6 kích cỡ đường kính: Ø10; Ø12; Ø14; Ø16; Ø18; Ø20. 2. Vít chốt bằng Titanium, đường kính 5mm x độ dài 14mm, giúp nối chuỗi với lõi cầu đùi. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p> |
| 30 | Đầu chuyên | Cái | 8,00 | <p>Vật liệu bằng hợp kim Titanium, có thiết kế dạng hình nêm, có độ lệch tâm 2mm, 4mm, 6mm. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p> |
| 31 | Chuỗi nối dài xương chày | Cái | 4,00 | <p>Vật liệu bằng hợp kim Titanium, có thiết kế dạng thẳng giúp nối dài trong lòng tủy xương chày tăng độ vững, chuỗi thẳng có 5 cỡ độ dài (30/75/100/150/200 mm) và 6 cỡ đường kính: Ø10; Ø12; Ø14; Ø16; Ø18; Ø20. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO</p> |
| IV | Khớp háng bán phần có xi măng | | | |

| | | | | |
|----|---|----|-------|---|
| 32 | Bộ khớp háng bán phần có xi măng, chòm khớp các loại chuỗi ngắn | Bộ | 2,00 | <p>1. Chuôi khớp háng: - Chất liệu Ti-6Al-4v - Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm.</p> <p>2. Đầu xương đùi: - Vật liệu Cobalt Chrome - đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm</p> <p>3. Chòm bán phần: - Chất liệu CoCrMo, bên trong là lớp đệm UHMWPE, kích thước 38mm - 58mm (bước tăng 2mm), có kèm khoá chống trật.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA/FSC</p> |
| 33 | Khớp háng bán phần có xi măng | Bộ | 2,00 | <p>* Chuôi xương đùi: Thép không rỉ (Stainless steel), có 01 rãnh tại đầu chuỗi để phân bố áp lực lên xi măng, Neck Taper 12/14 mm. Góc cổ chuỗi: 132°, có 5 size (3, 5, 7, 9 và 11), chiều dài 129 - 161mm. Cuống vuốt thon dần có rãnh làm giảm lực cắt, tăng độ chịu nén. Định tâm đường kính ngoài 16 - 22, có 4 cánh.</p> <p>* Ổ cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài Co-Cr Mo được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử 2 tâm chuyển động, góc xoay 68°, có cơ chế khóa vòng giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Size: Ø38-60mm.</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22-28mm (S, M, L)</p> <p>* Nút chặn xi măng: nhựa Polyethylene cao phân tử, size Ø13-20-27mm.</p> <p>* Xi măng xương có kháng sinh</p> |
| 34 | Khớp háng bán phần có xi măng, ổ cối có khoá ràng chống trật khớp | Bộ | 1,00 | <p>1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Vật liệu thép không gỉ hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Chuôi tự khóa. Góc cổ chuỗi $\leq 135^\circ$, cổ côn 12/14, hình elip. Có tối thiểu 9 cỡ, dài từ 93mm đến 170mm</p> <p>2. Ổ cối bán phần: Vật liệu thép không gỉ và polyethylene hoặc tương đương, đường kính từ 42 đến 60. Ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp, được đánh bóng gương $<0,5\mu\text{m}$</p> <p>3. Đầu xương đùi (chòm): thép không gỉ hoặc tương đương, đường kính $\geq 22,2\text{mm}$, đường kính $\geq 28\text{mm}$, các cỡ</p> <p>4. Nút chặn.</p> <p>5. Xi măng.</p> |
| 35 | Khớp háng bán phần có xi măng chuỗi dài | Bộ | 1,00 | <p>* Đầu chòm Bipolar: - Vật liệu: REX Steel/PE. - Kích cỡ: 41 - 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chòm có thiết kế tự định vị tâm xoay theo lực từ để giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm</p> <p>* Cuống khớp: REX steel có hàm lượng nitrogen cao giúp có độ bền cao, chịu xoắn vận (Độ chịu mỏi kim loại cao) chống mài mòn, ăn mòn kim loại</p> <p>- Góc cổ chuỗi: 135 độ. - Kích cỡ chuỗi: 0, 1, 2 và 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 150 và 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm.</p> <p>* Đầu chòm xương đùi - Vật liệu: REX steel có hàm lượng nitrogen cao hoặc CoCr - Đường kính đầu: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). Tiêu chuẩn: CE</p> |
| V | Khớp háng bán phần không xi măng | | | |
| 36 | Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi thon | Bộ | 50,00 | <p>1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu UHMWPE, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ.</p> <p>2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3,5mm, +7mm, +10.5mm).</p> <p>3. Cuống xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43- 50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuỗi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC; FDA</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|---|
| 37 | Khớp háng bán phần không xi măng phủ HA, góc cổ chuôi 135/126/145 độ, chòm khớp cổ côn 12/14 ASTM F 799 | Bộ | 50,00 | <p>1. Cuồng khớp có xi măng; Chất liệu: Thép không gỉ tiêu chuẩn ISO 5832-9 cỡ côn 12/14. Chiều dài: 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ. Bề dày trong ngoài từ 30-40mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cỡ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Chòm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1). chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cỡ +0 và 88 độ với cỡ -3.</p> <p>4. Xi măng xương Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII. Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường.</p> <p>5. Dụng cụ bơm xi măng gồm bộ trộn và phân phối xi măng Palamix. Có màng lọc than hoạt tính. Phiếu có màng giữ ngăn vụn thủy tinh kèm Nút chặn xi măng cỡ 18.5mm và 25mm.</p> |
| 38 | Khớp háng bán phần không xi măng chuôi 130° | Bộ | 30,00 | <p>Bộ gồm:</p> <p>1/ Chuôi khớp 130°: Chất liệu Titanium alloy +HA coating. Góc cổ 130°. Dài 125- 155mm, 7 cỡ. Base offset 36-42mm và chiều dài cổ 31-36mm. Chiều rộng đầu xa từ 6-12mm.</p> <p>2/ Head: Chất liệu CoCrMo casted. Size 24 và 28mm với 4 cỡ -3.5, 0, +3.5, +7mm.</p> <p>3/ Bipolar: Chất liệu S-UHMWPE. Đường kính ngoài (trong) 28-54mm (24/28mm). Tiêu chuẩn CE, ISO. Kèm trợ cụ</p> |
| 39 | Bộ khớp háng bán phần không xi măng, chòm khớp các loại chuôi ngắn | Bộ | 50,00 | <p>1. Chuôi khớp háng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti-6Al-4v - Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. <p>2. Đầu xương đùi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Cobalt Chrome - đường kính 22mm, 28mm, 32mm, 36mm <p>3. Chòm bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu CoCrMo, bên trong là lớp đệm UHMWPE, kích thước 38mm - 58mm (bước tăng 2mm), có kèm khoá chống trật. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA/FSC</p> |
| 40 | Khớp háng bán phần không xi măng | Bộ | 50,00 | <p>1. Cuồng xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 μm. Có 2 loại cuồng cổ Standard và Hight Offset, góc cổ chuôi 132°. Cổ chuôi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuôi từ 128mm, 130mm, 133mm, 136mm, 138mm, 140mm, 143mm, 145mm, 148mm, 151mm, 153mm, 158mm, 163mm, có chuôi nhỏ phù hợp với những ca bệnh lý lồng tù nhỏ. Độ bền kéo > 22 MPA, độ bền cắt > 22 MPA. Thân khớp hình thon, có rãnh dọc chống xoay.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 28mm; 32mm; 36mm có các size -3.5; 0; +4; +8. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác bề mặt được đánh bóng nhằm làm giảm hệ số ma sát chống lại sự mài mòn vật liệu.</p> <p>3. Đầu lưỡng cực: Có hai lớp, lớp ngoài cùng làm bằng vật liệu Stainless Steel, lớp trong làm bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) với vòng khóa khép kín. Đường kính trong 22mm & 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm - 59mm, mỗi Size tăng 1mm. Đường kính ngoài từ 38mm - 59mm, mỗi Size tăng 1mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 41 | Khớp háng bán phần không xi măng chuôi thon | Bộ | 50,00 | <p>1. Cuồng xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) \geq70%. Độ kết dính \geq 80% độ dày 120-190μm trên nền Titanium lỗ tổ ong. Có 2 loại cổ Standard và Hight Offset. Cổ chuôi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Độ đi lệch cổ chuôi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Chiều dài cổ chuôi (Standard Offset): 38.5. Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Có 11 size với mỗi bước tăng 1 size/ chiều dài thân chuôi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo >15MPa, Ca/P1.67</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 28mm; 32mm; 36mm có các size -3.5; 0; +4; +8. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác bề mặt được đánh bóng nhằm làm giảm hệ số ma sát chống lại sự mài mòn vật liệu.</p> <p>3. Đầu lưỡng cực: Có hai lớp, lớp ngoài cùng làm bằng vật liệu Stainless Steel, lớp trong làm bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) với vòng khóa khép kín. Đường kính trong 22mm & 28mm. Đường kính ngoài từ 38mm - 59mm, mỗi Size tăng 1mm. Đường kính ngoài từ 38mm - 59mm, mỗi Size tăng 1mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |

| | | | | |
|----|--|-----|-------|--|
| 42 | Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ thân chuỗi 130 độ, chuỗi phủ calcium phosphate (CaP) HX | Bộ | 20,00 | <p>01. Cuống xương đùi (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuỗi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Chuỗi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuỗi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuỗi CCD 130 độ, đầu chuỗi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi CoCrMo : Đường kính 22 (-3.5,0); 24 (-3.5,0)mm với bipolar cup 40 - 42mm. Đường kính 28 (-3.5,0,+3.5)mm với bipolar cup 44 - 64mm.</p> <p>03. Đầu bipolar CoCrMo: Bên trong là Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), Vòng khóa an toàn Safety Ring bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), 13 size 40 - 64mm Có chứng nhận tiêu chuẩn ISO và CE.</p> |
| 43 | Bộ khớp háng bán phần Bipolar II - chuỗi không xi măng UTF-reduced, góc cổ chuỗi 130 độ | Cái | 30,00 | <p>1. Chôm bán phần Bipolar (số lượng: 01 cái) Mặt ngoài Cobalt Chrome, độ nhám $\leq 0.02 \mu\text{m}$, lớp lót PE siêu phân tử liên kết chéo (UHMWPE) $\geq 5\text{mm}$. Có vòng khóa trong chống tuột chòm. Đường kính ngoài từ 38 - 56mm (bước tăng 1mm), đường kính trong 22.2 và 28mm.</p> <p>2. Chòm khớp (số lượng: 01 cái) Chất liệu Cobalt Chrome. Kích thước 22.2mm (0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, 0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), taper 12/14.</p> <p>3. Chuỗi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; ;#13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; ;#13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm). Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p> |
| 44 | Bộ khớp háng bán phần chuỗi thường | Bộ | 20,00 | <p>Chòm bán phần: Vật liệu: hợp kim cobalt chrome Kích cỡ: Với loại đường kính trong 22.2mm có 3 cỡ đường kính ngoài từ 38 đến 40mm, Với loại đường kính trong 28mm có 20 cỡ từ 41mm đến 60mm Có lớp lót bên trong chòm bằng chất liệu Polyethylene sử dụng cơ chế khóa xoay và nhấn Có khóa chòm bán phần và lớp lót bằng kim loại dạng vòng tròn</p> <p>Chòm khớp: Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T Đường kính (head) có các loại: 22.2, 28, 32, 36, 40, 44mm Đối với chòm có đường kính 22.2mm có 3 loại offset -2mm, 0 và +3mm Đối với chòm có đường kính 28, 32, 36, 40 và 44mm có 5 loại offset -3.5, 0 +3.5, +7 và +10.5mm</p> <p>Chuỗi khớp háng: Vật liệu Tivanium phủ Plasma; Góc cổ chuỗi 131 độ, tối ưu hóa tầm vận động; Cổ chuỗi côn 12/14, loại cố định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật; Chuỗi được thiết kế giúp cố định trước/sau Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuỗi vào lòng ống tủy; Cổ chuỗi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động; Kích cỡ chuỗi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm Chiều dài chuỗi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm Độ dài cổ chuỗi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuỗi khác nhau</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|---|
| 45 | Khớp háng bán phần không xi măng cổ chuỗi 41mm dạng Bicentric | Bộ | 30,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Stainless steel/ Cobalt Chrome (CoCr), có đường kính 28mm gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+11).</p> <p>2. Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head): - Chất liệu: AISI 316L Stainless Steel (ISO5832-1)/High Nitrogen Stainless Steel (ISO 5832-9)/Cobalt Chrome Molybden (ASTM F75-92). Kích thước 40-58mm. - Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử IMP 2000-4 Grade (ISO 5834-2) và BS 7253. Đường kính trong 22mm, 28mm và 32mm. Kích cỡ: 40-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-54mm, 55-58mm.</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 127, 137, 142, 147, 152, 157, 162, 167, 177, 187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuỗi 125° và 135°, cổ chuỗi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, Taper 12/14 (góc 5°42'30"). Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 46 | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi vuông cổ ngắn dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm | Bộ | 30,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/stainless steel. Kích cỡ: đường kính 22, 28mm; gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5).</p> <p>2. Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head): - Chất liệu: Bên ngoài Stainless Steel và lớp đệm bên trong UHMWPE HC Hooded/Flat. Kích cỡ từ 39mm-60mm - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có vòng khóa đàn hồi</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandbalsted 5µm và phủ HA 80µm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN.0SN, 1SN,... 10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lỗi trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 47 | Khớp háng bán phần không xi măng phủ HA dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%, chòm lưỡng cực 38-62mm, góc cổ chuỗi 135° | Bộ | 30,00 | <p>1. Chuỗi: - Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%, Cấu tạo pure titanium implantan Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% độ dày thanh liên kết 330 - 390µm độ co giãn 3GPa*. Kích thước: 11 cỡ trung bình. Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuỗi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20, tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm. Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1. Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8. M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/11/11. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm (femoral head) : - Vật liệu CoCrMo có tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Cobalt: ≤ 51,65%. Đường kính 22mm(-4,0,+4), 28mm (-3.5,0,+3.5)</p> <p>3. Chòm lưỡng cực: Chất liệu bằng CoCrMo ISO 5832-4, bên trong lớp phủ PE và vòng khóa PE bằng nhựa UHMWPE ISO 5834-2, đường kính ngoài từ 38-62mm. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC</p> |
| 48 | Khớp háng bán phần không xi măng, góc xoay ở cổ 68° | Bộ | 50,00 | <p>* Chuỗi xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗng tổ ong, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuận dẫn hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuỗi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài Co-Cr Mo được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử 2 tâm chuyển động, góc xoay 68°, có cơ chế khóa vòng giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Size: Ø38-60mm.</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22-28mm (S, M, L)</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|--|
| 49 | Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ HA dày 155µm | Bộ | 30,00 | <p>* Chuôi xương đùi: vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không gỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22.2; 28mm.</p> <p>* Ó cối lưỡng cực 2 lớp: lớp ngoài thép không gỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-2), có cơ chế khóa vòng bằng PE giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Có 25 size: Ø38-62mm.</p> |
| 50 | Khớp háng bán phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương | Bộ | 50,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem): Cuống xương đùi (Stem): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): Vật liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2), 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</p> <p>3. Chòm xương đùi (Shell): Vật liệu: Bên ngoài thép không gỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật. Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm, bước tăng 1mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |
| 51 | Khớp háng bán phần không xi măng PM 734 | Bộ | 40,00 | <p>1. Cuống khớp: Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) ISO 5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuống khớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,75/151,5mm; 15/152mm; 17,5/157,5mm; 20/162mm - Góc cổ chuôi (Neck Angle) : 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). - Offset: 2 loại Standard (34,8-41,4mm); Lateralized (41,1-47,7mm) - Phương pháp khử trùng chiếu xạ bằng tia Beta hoặc Gamma điện tử tăng tốc với lượng 25 kGy, hoặc phương pháp VH2O2 <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hỗn hợp thép PM734 không gỉ nitro hóa cao ISO5832/9 - Đường kính: 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7) <p>3. Đầu chòm Bipolar (Bipolar head): Chất liệu: hợp kim thép PM734 không gỉ nitro hoá cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: có 22 kích cỡ từ 39-60mm với mỗi bước tăng 1mm. <p>4. Lót đầu chòm Bipolar (Liner) Chất liệu: làm từ polyethylen cao phân tử, không có stearat canxi, có vòng khóa giữ chòm xương đùi, đầu chòm Bipolar 39-60mm đều sử dụng head đường kính 28mm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|---|
| 52 | Khớp háng bán phần không xi măng Modular góc cổ chuôi 127-135 độ | Bộ | 30,00 | <p>1. Cuồng khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) ISO 5832/11 . - Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. - Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp - Kích cỡ chuôi: có 12 kích cỡ từ 1/130,5mm; 2/140,5mm; 3/145,5mm; 4/150,5mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,5mm; 9/175,4mm; 10/180,4mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. - Góc cổ chuôi: 12/14, 5°42'30". Chiều dài cổ chuôi (39mm;40mm;41mm;41,9mm;42,6mm;43,1mm;44,5mm) - Offset: có 2 loại offset Standard CCD: 135°(38,7mm;39,3mm;40mm;40,9mm;41,6mm;42,3mm;43mm;43,7mm;44,2mm;45,7mm); Lateralized CCD: 127°(44,7mm;45,5mm;46,5mm;47,5mm;48,4mm;49,3mm;50,2mm;51,1mm;51,7mm;52,7mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện tử tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không. <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hỗn hợp thép PM734 không ri nitro hóa cao ISO5832/9 - Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7), 32mm (-4; 0; +4; +8), 36mm (-3,5; 0; +3,5; +7). <p>3. Đầu chòm Bipolar (Bipolar head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim thép PM734 không gi nitro hóa cao - Kích cỡ: có 22 kích cỡ từ 39-60mm với mỗi bước tăng 1mm. <p>4. Lót đầu chòm Bipolar (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: làm từ polyethylen cao phân tử, không có stearat canxi, có vòng khóa giữ chòm xương đùi, đầu chòm Bipolar 39-60mm đều sử dụng liner đường kính 28mm. - Đầu chòm Bipolar và lót đầu chòm được kết hợp theo mã màu (39-42/xanh lá; 43-45/vàng; 46-52/xanh dương; 53-60/đỏ) <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |
| 53 | Khớp háng bán phần không xi măng góc cổ chuôi 131 độ, ổ cối lưỡng cực có lớp polyethylene 5mm | bộ | 40,00 | <p>1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120/135/140/150/155/160/165/170/175/180/185/190 mm, góc cổ chuôi 131 độ. Chuôi thuôn 3 độ từ đầu gần tới đầu xa. Mặt cắt hình nón rộng từ 8mm-21mm. Bề rộng trong ngoài từ 27mm-40mm, bề rộng trước sau từ 12mm đến 25mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Chòm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cổ +0 và 88 độ với cổ -3.</p> |
| 54 | Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ titanium và HA, ổ cối có khóa răng chống trật khớp | Bộ | 40,00 | <p>1. Chuôi xương đùi (cuồng xương đùi): Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Chuôi tự khóa, cổ có gờ chống lún. Góc cổ chuôi ≤ 135°, cổ côn 12/14, hình elip. Có tối thiểu 8 cỡ, chiều dài từ 130mm đến 170mm</p> <p>2. Ổ cối bán phần: Vật liệu thép không ri và polyethylene hoặc tương đương, đường kính từ 42 đến 60. Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp, được đánh bóng gương <0,5µm</p> <p>3. Đầu xương đùi (chòm): thép không ri hoặc tương đương, đường kính ≥ 22.2mm, đường kính ≥ 28mm, các cỡ</p> |
| 55 | Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore | Bộ | 40 | <p>Stem: có taper 8/10 & 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp,</p> <p>* Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi): 145-190mm -Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm <p>* Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gần chòm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 51mm, chòm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL.</p> <p>* Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong, (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trật.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|---|
| 56 | Khớp háng bán phần không xi măng HA, chuỗi thon nhỏ phù hợp lồng tùy nhỏ | Bộ | 20,00 | <p>Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước</p> <p>1. Chuôi khớp không dùng xi măng Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuỗi 12/14mm, có 10 cỡ 7.5:114mm (offset C:31mm; D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm; D:37mm), 10:119mm (offset C:34mm; D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm; D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm; D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm; D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm; D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm; D:46mm), 17.5:134mm (offset C:37mm; D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm; D:48mm).</p> <p>2. Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Taper 12/14</p> <p>3. Chòm bán phần: bên ngoài chất liệu bằng hợp kim CoCrMo, đường kính ngoài từ 39-59mm, bước tăng 1mm.</p> <p>4. Lớp lót bên trong bằng Polyethylene có thể tách rời và vòng khóa chòm, bao gồm các size 39-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-53mm, 54-56mm, 57-59mm</p> <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| 57 | Khớp háng bán phần không xi măng, Titanium Plasma | Bộ | 20,00 | <p>Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước</p> <p>Chuôi khớp không dùng xi măng Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ hạt Titanium Plasma. Rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuỗi 12/14mm, có 12 cỡ: 5:109mm (offset C:31mm; D:35mm), 6:111mm (offset C:31mm; D:35mm), 7.5:114mm (offset C:31mm; D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm; D:37mm), 10:119mm (offset C:34mm; D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm; D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm; D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm; D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm; D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm; D:46mm), 17.5:134mm (offset C:37mm; D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm; D:48mm).</p> <p>Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Taper 12/14</p> <p>Chòm bán phần: bên ngoài chất liệu bằng hợp kim CoCrMo, đường kính ngoài từ 39-59mm, bước tăng 1mm. Lớp lót bên trong bằng Polyethylene UHMWPE có thể tách rời và vòng khóa chòm, bao gồm các size 39-41mm, 42-44mm, 45-47mm, 48-50mm, 51-53mm, 54-56mm, 57-59mm</p> <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| VI | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài | | | |
| 58 | Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài cổ rời | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu lưỡng cực làm bằng Cobalt - Chrome, bao gồm các cỡ từ 36mm đến 65mm với mỗi kích cỡ 1mm.</p> <p>- Lớp lót được làm bằng Polyethylene (UHMWPE) cao phân tử, liên kết ngang, có vòng nhẵn khóa chống trật.</p> <p>2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome có đường kính các cỡ từ ϕ 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, \pm3,5mm, +7mm, +10,5mm).</p> <p>3. Thiết kế cổ rời: góc cổ chuỗi động có thể điều chỉnh độ dài ngắn và góc động từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chuỗi: 27mm-38,5mm.</p> <p>4. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy Góc cổ Varus cổ điển 8° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (34- 43mm), cổ dài (43 - 51mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (31- 40mm), cổ dài (34 - 43mm). Chiều dài: 176mm, 181mm, 186mm, 191mm, 196mm, 201mm, 206mm, 211mm, 216mm</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC; FDA</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|---|
| 59 | Bộ khớp háng bán phần chuỗi dài | Bộ | 5,00 | <p>Chôm bán phần: Vật liệu: hợp kim cobalt chrome Kích cỡ: Với loại đường kính trong 22.2mm có 3 cỡ đường kính ngoài từ 38 đến 40mm, Với loại đường kính trong 28mm có 20 cỡ từ 41mm đến 60mm Có lớp lót bên trong chòm bằng chất liệu Polyethylene sử dụng cơ chế khóa xoay và nhấn Có khóa chòm bán phần và lớp lót bằng kim loại dạng vòng tròn Chòm khớp: Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T Đường kính (head) có các loại: 28 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 32 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 36 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 40 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 44 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm Chuôi khớp háng: Vật liệu: hợp kim Titanium, thân được phủ Protasul-100 toàn bộ Góc cổ chuỗi (neck angle): 135 độ, cổ chuỗi côn 12/14 loại không xi măng Thân chuỗi hình nón nghiêng góc 2 độ, cổ chuỗi dạng không gờ, có 8 gờ chống xoay chạy dọc thân chuỗi, có 2 lỗ ở thân chuỗi để cố định chi thép. Độ dài chuỗi có 4 loại 190mm, 225mm, 265mm, 305mm. Chuôi dài 190mm có 7 loại đường kính từ 14 mm đến 20 mm, bước tăng 1mm Chuôi dài 225mm có 9 loại đường kính từ 14 mm đến 22 mm, bước tăng 1mm Chuôi dài 265mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm Chuôi dài 305mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm</p> |
| 60 | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi vuông cổ ngắn dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm, chuỗi dài | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/stainless steel. Kích cỡ: đường kính 22, 28mm; gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). 2. Đầu khớp háng bán phần (Bipolar head): - Chất liệu: Bên ngoài Stainless Steel và lớp đệm bên trong UHMWPE HC Hooded/Flat. Kích cỡ từ 39mm-60mm - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có vòng khóa đàn hồi 3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandbalsted 5µm và phủ HA 80µm; kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; góc cổ thân 127°; dài 170, 175, 180, 185, 190, 195, 200, 205, 210, 215mm, offset 43.8mm-56.0mm; kích cỡ: 9 cỡ lateralised - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 61 | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài 133 - 213mm, góc cổ chuỗi 135° | Bộ | 5,00 | <p>* Chuôi xương đùi: Hợp kim Titanium, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 8°-12°; hai mặt trước-sau 6° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Có lỗ buộc dây. Đuôi chuỗi xẻ rãnh giúp phân bố đều ứng suất. Góc cổ chuỗi 135°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 133 - 213mm * Ó cốt lõi cứng 2 lớp: lớp ngoài Co-Cr Mo được đánh bóng chính xác; bên trong nhựa Polyethylene cao phân tử 2 tâm chuyển động, góc xoay 68°, có cơ chế khóa vòng giúp lắp chòm xương đùi đơn giản và ngừa trật khớp. Size: Ø38-60mm. * Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22-28mm (S, M, L)</p> |
| 62 | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, thiết kế bảo tồn xương | Bộ | 5,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem): Cuống xương đùi (Stem): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún, có khe dọc cuối chuỗi làm tăng tiết diện bám xương. Kích thước: có 6 kích cỡ gồm 10, 12, 14, 16, 18, 20 với chiều dài: 200mm, 210mm, 220mm, 230mm, 240mm và đường kính cuối chuỗi 10, 12, 13, 14mm. Góc cổ chuỗi: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối đầu xương đùi. 2. Đầu xương đùi (Head): Vật liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2), 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7,+10.5mm). 3. Chòm xương đùi (Shell): Vật liệu: bên ngoài thép không rỉ và lớp đệm Polyethylene cao phân tử UHMWPE kèm vòng khóa chống trật. Kích cỡ: từ 39mm đến 59mm, bước tăng 1mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |

| | | | | |
|-----|--|----|-------|--|
| 63 | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài, góc cổ chuỗi 125/131 độ, dài 190/240/300mm | bộ | 5,00 | <p>1. Cuồng khớp đầu côn 12/14. Cổ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động. Hai tùy chọn cổ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền ROCKTITE™: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún. Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuôi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chôm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Chôm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cổ +0 và 88 độ với cổ -3.</p> |
| 64 | Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi dài 200-300mm phủ titanium và HA, ổ cối có khóa răng chống trật khớp | Bộ | 5,00 | <p>1. Chuôi xương đùi (cuồng xương đùi): Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Cổ chuỗi 12/14, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Chuôi có 2 lỗ bắt vít điều chỉnh. Có kích cỡ từ 12mm đến 16mm, chiều dài chuỗi từ 200mm đến 300mm. Vít điều chỉnh: đường kính ≤ 5.5mm, dài từ 28mm đến 55mm</p> <p>2. Ổ cối bán phần: Vật liệu thép không rỉ và polyethylene hoặc tương đương, đường kính từ 42 đến 60. Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp, được đánh bóng gương $<0.5\mu\text{m}$</p> <p>3. Đầu xương đùi (chôm): thép không rỉ hoặc tương đương, đường kính ≥ 22.2mm; ≥ 28mm, các cỡ</p> |
| 65 | Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài | Bộ | 5,00 | <p>* Đầu chòm Bipolar:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chòm có thiết kế tự định vị tâm xoay theo lực tỷ lệ giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm <p>* Cuồng khớp: Vật liệu: Titanium alloy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuỗi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuỗi: 135 độ, cổ côn 12/14 mm - Chuôi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều - cố định tốt, chuyển tải lực phía đầu gần tốt hơn giúp liền xương sớm. <p>* Đầu Chòm xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| VII | Khớp háng toàn phần không xi măng COC | | | |
| 66 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm Ceramic on Ceramic chuỗi thon | Bộ | 10,00 | <p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày $114\mu\text{m}$, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng Rim-Lock Ceramic, có bờ chống trật 0 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 42-68mm</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Biolox Delta đường kính các cỡ 32, 36, 40mm. Lỗ điều chỉnh được (+0mm, ± 3.5mm, ± 4mm)</p> <p>4. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8° là 127° với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43- 50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuỗi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC; FDA</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|--|
| 67 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 μm. Có 2 loại cuống cổ Standard và Hight Offset, góc cổ chuôi 132°. Cổ chuôi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuôi từ 128-163mm. Độ bền kéo > 22 MPA, độ bền cắt > 22 MPA. Thân khớp hình thon, có rãnh dọc chống xoay.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic cao cấp thế hệ mới màu hồng tím, không ăn mòn, không giải phóng Ion kim loại. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác, bề mặt được đánh bóng. Kích cỡ: 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong Liner, có các size -3,5; 0; +4; +8</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hydroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) > 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: làm bằng Ceramic cao cấp thế hệ mới màu hồng tím, ăn mòn còn không đáng kể, không giải phóng Ion kim loại. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Đường kính ngoài phù hợp với các size của ổ cối.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Bằng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 68 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) $\geq 70\%$. Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Có 10 size với mỗi bước tăng 10 size/ chiều dài thân chuôi: 116-181. Độ bền kéo >15MPA, Ca/P1.67</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic cao cấp thế hệ mới màu hồng tím, không ăn mòn, không giải phóng Ion kim loại. Kích cỡ: 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong Liner, có các size -3,5; 0; +4; +8</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hydroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) > 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. 3 lỗ hoặc nhiều lỗ bắt vít nhằm cố định ổ cối. Thiết kế 12 gờ tự định vị, tự khóa và chống xoay Liner trong viên ổ cối. Đáy ổ cối có vít chống thấm dịch. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: làm bằng Ceramic cao cấp thế hệ mới màu hồng tím, ăn mòn còn không đáng kể, không giải phóng Ion kim loại. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Đường kính ngoài phù hợp với các size của ổ cối.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Bằng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 69 | Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on Ceramic | Bộ | 5,00 | <p>01. Cuống xương đùi (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15μm) Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi gốm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4.0,+4)mm, 36 (-4.0,+4)mm, 40 (-4.0,+4)mm</p> <p>3. Lớp đệm gốm (BIOLOX delta ceramic) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36,40mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36,40mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36,40mm (ổ cối 62 - 72mm)</p> <p>4. Ổ cối loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đối, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>5. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lõi trước</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|---|
| 70 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuỗi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on Ceramic | Bộ | 5,00 | <p>01. Cuồng xương đùi hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V) : Thiết kế dạng cong theo giải phẫu học xương đùi, bên ngoài phủ lớp HX ®(điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Hệ thống chuỗi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi 16 size. Góc cổ thân chuỗi CCD 126 độ, đầu chuỗi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi gốm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm,32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm, 40 (-4,0,+4).</p> <p>3. Lớp đệm gốm (BIOLOX delta ceramic) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36,40mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36,40mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36,40mm (ổ cối 62 - 72mm)</p> <p>04. Ổ cối loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lối trước</p> |
| 71 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuỗi 130 độ, Ceramic on Ceramic (kích thước chòm 28/32/36/40) | Bộ | 10,00 | <p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Cạnh ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút chặn. Vít ổ cối bằng Titanium dài 15-50mm.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Ceramic Biolox Delta thế hệ mới có các cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40mm tương thích với các chòm tiêu chuẩn.</p> <p>3. Chòm xương đùi: làm bằng Ceramic Biolox Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm, +5mm; +8mm), chòm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm) và 40mm (-3mm, +1mm, +5mm, +9mm)</p> <p>4. Chuỗi xương đùi UTF-reduced: loại cổ định đầu gần, dạng nằm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối : làm bằng Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|--|
| 72 | Bộ khớp háng toàn phần chòm ceramic, lớp lót Ceramic, chuỗi thường (COC) | Bộ | 10,00 | <p>Ổ cối:</p> <p>Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ</p> <p>Vật liệu: hợp kim Tivanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi</p> <p>Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm</p> <p>Vít ổ cối:</p> <p>Là loại tự ta-rô</p> <p>Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm</p> <p>Lót ổ cối:</p> <p>Vật liệu: gồm BIOLOX delta.</p> <p>Đường kính ngoài: 44 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>Đường kính trong: 28, 32, 36, 40 mm</p> <p>Chòm khớp:</p> <p>Vật liệu: BioloX delta ceramic</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 28mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5 - Đường kính 32mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7 - Đường kính 36mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7 - Đường kính 40mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7 <p>Chuỗi khớp háng:</p> <p>Vật liệu Tivanium phủ Plasma;</p> <p>Góc cổ chuỗi 131 độ, tối ưu hóa tầm vận động;</p> <p>Cổ chuỗi côn 12/14, loại cổ định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật;</p> <p>Chuỗi được thiết kế giúp cố định trước/sau</p> <p>Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuỗi vào lòng ống tủy;</p> <p>Cổ chuỗi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động;</p> <p>Kích cỡ chuỗi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm</p> <p>Chiều dài chuỗi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm</p> <p>Độ dài cổ chuỗi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuỗi khác nhau</p> |
| 73 | Khớp háng toàn phần không xi măng COC cổ chuỗi 41mm dạng 3 vây cá | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ceramic BioloX Delta (ISO 6474), chòm 32,36,40mm, các cỡ: S(-3.5), L(+3.5), S(-4), M(0,0), L(+4), XL(+7), XXL(+8); S,M,L,XL, XXL. <p>2. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vây cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) <p>3. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm. Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 127, 137, 142, 147, 152, 157, 162, 167, 177, 187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuỗi 125° và 135°, cổ chuỗi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, Taper 12/14 (góc 5°42'30"). <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ceramic BioloX Delta (ISO 6474), đường kính 28,32,36,40mm. Kích thước: 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm. <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-50mm. - Tự ta-rô <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|---|
| 74 | Khớp háng toàn phần không xi măng COC, chuỗi vuông cổ ngắn dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm, bờ chống trật 5 độ trên ổ cối | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Biolox Delta vật liệu: Al₂O₃-ZrO₂ (ISO 6474). Kích cỡ: C, E, F, G; đường kính 32,36,40mm; gồm:S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5)</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 42mm-64mm. - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp da răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</p> <p>3. Cuồng xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang: chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu: Biolox Delta vật liệu: Al₂O₃-ZrO₂ (ISO 6474). Kích cỡ: C, E, F, G; đường kính 28,32,36mm</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 75 | Khớp háng toàn phần không xi măng phủ HA dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%, ceramic on ceramic, chòm ceramic 32/36/40mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuỗi 135° | Bộ | 10,00 | <p>1. Chuôi: - Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%. Cấu tạo pure titanium implantan Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% độ dày thanh liên kết 330 - 390µm độ co giãn 3GPa*. Kích thước: 11 cỡ trung bình. Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuỗi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20, tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm. Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1. Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8. M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/10/11/11. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chòm: - Chất liệu: Biolox® Delta (Al₂O₃ và ZrO₃) - Đường kính: 32(S-XL), 36(S-XL) mm. 40(S-L)</p> <p>3. Ổ cối: - Vật liệu: TiAl6V4 với tỷ lệ Aluminium: 5,5-6,75%, Vanadium: 3,5-4,5%, Titanium ≤ 88,105% có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối: - Chất liệu: Lớp đệm chất liệu Ceramic Biolox Delta (Al₂O₃ và ZrO₃) Đường kính trong/ngoài: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm, 40/48-52mm</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-80mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC</p> |
| 76 | Khớp háng toàn phần không xi măng COC, ổ cối phủ Plasma dạng rỗng tổ ong | Bộ | 10,00 | <p>* Chuôi xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗng tổ ong, chuỗi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuôn dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuỗi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối: hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Plasma dạng rỗng tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 – 74mm.</p> <p>* Lớp đệm: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng), đường kính trong Ø32-36mm, đường kính ngoài phủ hợp ổ cối, chống mài mòn tốt</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic (Sứ) thể hệ 4 (Màu hồng) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size Ø32-36mm (S, M, L).</p> <p>* Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|---|
| 77 | Khớp háng toàn phần không xi măng COC | Bộ | 10,00 | <p>* Chuôi xương đùi: vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối : vật liệu Titanium (Ti6V4 ELI) ISO 5832-3, phun Titanium rỗ tổ ong có độ xốp cao dày 350µm, có 03 lỗ bắt vít. Có 10 kích cỡ ổ cối Ø46 – 64mm</p> <p>* Lớp đệm: Ceramic thể hệ 4 (màu hồng) (ISO 6474-2), đường kính trong Ø32, 36, 40mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic cao cấp thể hệ 4 (màu hồng) (ISO 6474-2), dạng hình cầu, size 32; 36; 40mm</p> <p>* Vít neo: Titanium, Ø6.0mm, dài 20 – 45mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3</p> |
| 78 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): Chất liệu Ceramic Composite, kích thước 32mm (-4, +0, +4), 36mm (-4, +0, +4).</p> <p>3. Ổ cối (Cup): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium Hydroxyapatite (HA) 80µm cho độ nhám cao, lớp đệm được thiết kế thấp hơn ổ cối 2.6mm nhằm ngăn ngừa sự va chạm giữa cổ chuôi và vành lớp đệm. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Insert): Vật liệu: Ceramic (hợp chất Alumina và Zirconia). Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |
| 79 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi và ổ cối không xi măng được phủ titanium và HA, Ceramic on Ceramic, chòm lớn đường kính 32-36mm | Bộ | 10,00 | <p>1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Chuôi tự khóa, cổ có gờ chống lún. Góc cổ chuôi ≤ 135°, cổ côn 12/14, hình elip. Có tối thiểu 8 cỡ, chiều dài từ 130mm đến 170mm</p> <p>2. Ổ cối (cup): Vật liệu: Hợp kim Titanium Aluminum Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp HA và titanium. Bề mặt vành ngoài có đỉnh nhọn cố định chống xoay, trên đỉnh ổ cối có đỉnh nhọn hoặc lỗ bắt vít chống lật. Đường kính từ 46mm đến 62mm</p> <p>3. Lớp đệm: Vật liệu ceramic hoặc tương đương, các cỡ</p> <p>4. Đầu xương đùi (chòm): Vật liệu ceramic hoặc tương đương; đường kính từ 32mm đến 36mm (tối thiểu phải có các cỡ -4, 0, +4)</p> <p>5. Vít ổ cối: hợp kim titanium hoặc tương đương, đường kính ≥5.5mm, chiều dài từ 20mm đến 45mm</p> |
| 80 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuôi phủ Plasmapore, Ceramic On Ceramic | Bộ | 10 | <p>Stem: có taper 8/10 & 12/14, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gân được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuôi khớp,</p> <p>* Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>- Chiều dài chuôi (tính từ cổ chuôi đến cuối thân chuôi) 145-190mm.</p> <p>* Ổ cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3).</p> <p>* Liner: Chất liệu bằng BioloX® delta Aluminium Oxide matrix ceramic thể hệ mới nhất. Liner 40mm-46mm sử dụng head có đường kính 28mm, Liner 48mm-50mm sử dụng head có đường kính 32mm, Liner 52mm-54mm sử dụng head có đường kính 36mm, Liner 56mm -70mm sử dụng cho head 40mm</p> <p>* Head: Chất liệu bằng BioloX® delta Aluminium Oxide matrix ceramic. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>* Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> |

| | | | | |
|------|--|----|-------|--|
| 81 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic, ổ cối Pressfit | Bộ | 10,00 | <p>Kết hợp với dụng cụ mổ lỗi trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối: Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực, có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm. Lớp lót Ceramic: Chất liệu Ceramic (Alumina - Zirconia ISO6474-2), có kích cỡ 28mm, 32mm, 36mm, 40 mm. tương thích với ổ cối từ 44mm đến 64mm Chòm xương đùi: chất liệu Ceramic (Alumina - Zirconia ISO 6474-2), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm), 32mm (-4mm, 0mm, +4mm, +7mm), 36mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm), 40mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm). Taper 12/14 Chuôi khớp không dùng xi măng chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ Titanium Plasma. Rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuôi 12/14mm, có 12 cỡ: 5:109mm (offset C:31mm; D:35mm), 6:111mm (offset C:31mm; D:37mm), 7.5:114mm (offset C:31mm; D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm; D:37mm), 10:119mm (offset C:34mm; D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm; D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm; D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm; D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm; D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm; D:46mm), 17,5:134mm (offset C:37mm; D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm; D:48mm). Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm. Nút Vít chặn đáy ổ cối Vít chặn lỗ bắt vít ổ cối <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| VIII | Khớp háng toàn phần không xi măng COP | | | |
| 82 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly | Bộ | 50,00 | <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhẫn khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bề chống trật 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đường kính 44-68mm Đầu xương đùi làm bằng Biolox Delta đường kính 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm). Cuống xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy. Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43- 50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14 Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC: FDA</p> |
| 83 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic chuôi ngắn | Bộ | 50,00 | <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối: <ul style="list-style-type: none"> Vật liệu: Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vò bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS + HA tinh khiết (titanium porous plasma spray + HA); kích thước từ 44mm-64mm, Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 10°, bờ chống trật trên ổ cối, cơ chế khóa kép lớp đệm ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Vít ổ cối: <ul style="list-style-type: none"> Tự ren (self threading), đường kính 6.5mm và chiều dài 16-60mm. Lớp đệm ổ cối: <ul style="list-style-type: none"> Vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE, có 2 dạng chống trật neutral (0°) và hooded (10°) 0° đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm. Chòm xương đùi: <ul style="list-style-type: none"> Vật liệu BILOX delta ceramic đường kính 32mm (4, 0, +4, +7), 36mm (4, 0, +4, +8). Chuôi khớp háng: <ul style="list-style-type: none"> Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chòm B-One TM 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|---|
| 84 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly | Bộ | 50.00 | <p>1. Cuồng xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 μm. Có 2 loại cuồng cổ Standard và Hight Offset, góc cổ chuôi 132°, Cổ chuôi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuôi từ 128-163mm. Độ bền kéo > 22 MPA, độ bền cắt > 22 MPA. Thân khớp hình thon, có rãnh dọc chống xoay.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic cao cấp thế hệ mới màu hồng tím, không ăn mòn, không giải phóng Ion kim loại. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác, bề mặt được đánh bóng. Kích cỡ: 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong Liner, có các size -3,5; 0; +4; +8</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) > 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE crosslinked, liên kết chéo chiếu xạ tia Grama ở 7.5, khử trùng ETO. Thiết kế kiểu nghiêng 0°, 10°, 20° để chống trật. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Bảng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 85 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly | Bộ | 20.00 | <p>1. Cuồng xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) $\geq 70\%$. Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Có 10 size với mỗi bước tăng 10 size/ chiều dài thân chuôi: 116-181. Độ bền kéo > 15MPa, Ca/P1.67</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Chất liệu Ceramic cao cấp thế hệ mới màu hồng tím, không ăn mòn, không giải phóng Ion kim loại. Kích cỡ: 32mm, 36mm, 40mm phù hợp với đường kính trong Liner, có các size -3,5; 0; +4; +8</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) > 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. 3 lỗ hoặc nhiều lỗ bắt vít nhằm cố định ổ cối. Thiết kế 12 gờ tự định vị, tự khóa và chống xoay Liner trong viên ổ cối. Đáy ổ cối có vít chống thấm dịch. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE crosslinked, liên kết chéo chiếu xạ tia Grama ở 7.5, khử trùng ETO. Thiết kế kiểu nghiêng 0°, 10°, 20° để chống trật. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Bảng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm. * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 86 | Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuôi 130 độ, chuôi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on PE | Bộ | 10.00 | <p>01. Cuồng xương đùi hợp kim Titanium (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuôi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15μm) Rãnh chống lún, xoay. Chuôi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuôi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuôi CCD 130 độ, đầu chuôi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi gồm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36mm (ổ cối 62 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lỗ trước</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|--|
| 87 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuỗi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Ceramic on PE | Bộ | 10,00 | <p>01. Cuống xương đùi hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V) : Thiết kế dạng cong theo giải phẫu học xương đùi, bên ngoài phủ lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Hệ thống chuỗi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi 16 size. Góc cổ thân chuỗi CCD 126 độ, đầu chuỗi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi gồm (ceramic): Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm,32(-4,0,+4)mm, 36 (-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36mm (ổ cối 62 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lỗi trước</p> |
| 88 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuỗi 130 độ, Ceramic on PE có vitamin E (kích thước chòm 28/32/36) | Bộ | 20,00 | <p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Chòm ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chòm xương đùi : làm bằng vật liệu Ceramic Biolox Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm), 32mm (-3mm, +1mm,+5mm; +8mm) và chòm lớn 36mm (-3mm, +1mm, +5mm; +9mm).</p> <p>4. Chuỗi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gấn, dạng nằm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối: làm bằng vật liệu Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|--|
| 89 | Bộ khớp háng toàn phần chòm ceramic, lớp lót Polyethylene, chuỗi thường (COP) | Bộ | 20,00 | <p>Ổ cối:</p> <p>Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ</p> <p>Vật liệu: hợp kim Tivanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi</p> <p>Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm</p> <p>Vít ổ cối:</p> <p>Là loại tự ta-rô</p> <p>Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm</p> <p>Lót ổ cối:</p> <p>Vật liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E</p> <p>Đường kính ngoài: 40 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>Đường kính trong: 22, 28, 32, 36 mm</p> <p>Có gờ chống trật khớp vát 15 độ</p> <p>Chòm khớp:</p> <p>Vật liệu: BioloX delta ceramic</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 28mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5 - Đường kính 32mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7 - Đường kính 36mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7 - Đường kính 40mm, chiều dài cổ: -3.5, +0, +3.5, +7 <p>Chuôi khớp háng:</p> <p>Vật liệu Tivanium phủ Plasma;</p> <p>Góc cổ chuỗi 131 độ, tối ưu hóa tầm vận động;</p> <p>Cổ chuỗi côn 12/14, loại cổ định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật;</p> <p>Chuôi được thiết kế giúp cố định trước/sau</p> <p>Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuỗi vào lòng ống tủy;</p> <p>Cổ chuỗi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động;</p> <p>Kích cỡ chuỗi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm</p> <p>Chiều dài chuỗi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm</p> <p>Độ dài cổ chuỗi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuỗi khác nhau</p> |
| 90 | Khớp háng toàn phần không xi măng lõi trước COP. Ổ cối loại Pressfit, hình bán cầu dẹt có 4 lỗ bắt vít; chất liệu Ti6Al4V phủ lớp titanium (TiCP), có vitamin E. Cuống xương đùi: Vật liệu Ti6Al4V, bề mặt phun nhám titan plasma (TPS) và canxi photphat (CaP), thiết kế có rãnh cấu trúc sườn; tiết diện hình thang; dạng chêm 3 chiều, góc CCD 135 độ | Bộ | 20,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế dạng chữ "C" đặt ôm sát bờ calcar giúp bảo tồn xương và mô mềm, tải lực toàn bộ lên calcar, hạn chế tải lực lên vùng máu chuyển lớn và xung quanh, giảm hủy xương của các vùng trên. - Vật liệu Ti6Al4V, bề mặt phủ 2 lớp: bên trong 250 μm Titanium Plasma Sprayed (TPS), bên ngoài 20 μm Calcium Phosphate (CaP) - Cổ chuỗi 12/14 mm; hình thang được đánh bóng, Góc CCD 135 độ - Kích cỡ (stem size): 1 - 12 (Standard/Lateral với bước tăng 1); tương ứng chiều dài từ 80 - 115mm - Có thể lựa chọn đường mổ lõi trước bên. <p>2. Đầu xương đùi (Femoral Head) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: sứ ZTA (Al₂O₃-ZrO₂) hỗn hợp đồng nhất Alumina và Zirconia chống mài mòn và chống nứt vỡ cao. - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính ngoài 32 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL) + Đường kính ngoài 36 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL) <p>3. Ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình bán cầu dẹt nguyên khối đàn hồi với cơ chế ép chặt (pressfit); có 4 lỗ bắt vít (có thể lựa chọn dùng vít hay không dùng vít); toàn bộ chất liệu PE và được làm giàu bằng Vitamin E, bên ngoài được làm bằng chất liệu Ti6Al4V và được phủ lớp Titanium Calcium Phosphate (TiCP). - Vật liệu: PE + Vitamin E, phủ TiCP. - Đường kính trong: 28mm, 32mm, 36 mm. <p>4. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 4mm; vật liệu: TiCP - Chiều dài: 22 - 52 mm, bước tăng 2 mm <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Đã tiệt trùng.</p> |

| | | | | |
|----|--|----|-------|--|
| 91 | Khớp háng toàn phần không xi măng COP. Ổ cối loại Pressfit, hình bán cầu dẹt có 4 lỗ bắt vít; chất liệu Ti6Al4V phủ lớp titanium (TiCP), có vitamin E. Cuống xương đùi: Vật liệu Ti6Al4V, Ca5(OH)(PO4)3, bề mặt phun nhám, thiết kế có rãnh cấu trúc sừng; tiết diện hình thang; dạng chêm 3 chiều, góc cổ chuôi 134 độ, có các rãnh nhỏ | Bộ | 20,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V, Ca5(OH)(PO4)3 - Toàn bộ bề mặt được phun nhám và phủ lớp HA dày 150µm; thân được thiết kế có rãnh cấu trúc sừng; tiết diện hình thang; dạng chêm 3 chiều (Triple Taper). Cổ chuôi 12/14 mm; được đánh bóng. - Góc cổ - thân chuôi (CCD-angle): 134 độ, có các rãnh nhỏ. + Standard: 7 - 18 (bước tăng 1); chiều dài 125 - 180mm (bước tăng 5mm) + Lateral: 7 - 18 (bước tăng 1); chiều dài 125 - 180mm (bước tăng 5mm) + XS: 7 - 12 (bước tăng 1); chiều dài 125 - 145mm (bước tăng 5mm) <p>2. Đầu xương đùi (Femoral Head) :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: ZTA - zirconia toughened alumina (vitamys) + Đường kính ngoài 32 mm; chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL) + Đường kính ngoài 36 mm; chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL) <p>3. Ổ cối :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình bán cầu dẹt nguyên khối đàn hồi với cơ chế ép chặt (pressfit); có 4 lỗ bắt vít (có thể lựa chọn dùng vít hay không dùng vít); toàn bộ chất liệu PE và được làm giàu bằng Vitamin E, bên ngoài được làm bằng chất liệu Ti6Al4V và được phủ lớp Titanium Calcium Phosphate (TiCP). - Vật liệu: PE + Vitamin E, phủ TiCP. Kích cỡ: 44mm-70 mm (bước tăng 2mm) - Đường kính trong: 28mm, 32mm, 36 mm. <p>4. Vít ổ cối: vật liệu TiCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính 4mm, chiều dài: 22 - 52 mm, bước tăng 2 mm <p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Đóng gói tiệt trùng.</p> |
| 92 | Khớp háng toàn phần không xi măng COP có chuôi 41mm dạng 3 vây cá | Bộ | 20,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ceramic Biolox Delta (ISO 6474), chòm 32,36,40mm, các cỡ: S(-3.5), L(+3.5), S(-4), M(0,0), L(+4), XL(+7), XXL (+8); S,M,L,XL, XXL. <p>2. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vây cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) <p>3. Cuống xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 127, 137, 142, 147, 152, 157, 162, 167, 177, 187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuôi 125° và 135°, cổ chuôi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau. Taper 12/14 (góc 5°42'30"). <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/XLPE+Vitanin E, đường kính 28,32,36mm; kích thước: 44-46mm,48-50mm,52-54mm,56-58mm. - Có hoặc không có bờ chống trượt <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-50mm. - Tự ta-rô <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|---|
| 93 | Khớp háng toàn phần không xi măng COP. Chuôi vuông cổ ngắn dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm, bờ chống trật 5 độ trên ổ cối | Bộ | 20,00 | <p>1. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: BioloX Delta vật liệu: Al2 O3-ZrO2 (ISO 6474). Kích cỡ: đường kính 32,36,40mm; gồm:S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5)</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích cỡ từ 42mm-64mm. - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm.</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu: UHMWPE HC Hooded/Flat . Kích cỡ: đường kính trong 28, 32, 36mm. - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F, G</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 94 | Khớp háng toàn phần không xi măng phủ HA dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%, ceramic on PE. cross-linked siêu liên kết, chỏm ceramic 32/36mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuôi 135° | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi: - Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%. Cấu tạo pure titanium implant Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% độ dày thanh liên kết 330 - 390µm độ co giãn 3GPa*. Kích thước: 11 cỡ trung bình. Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20, tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm. Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1. Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8. M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/10/11/11. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chỏm: - Chất liệu: BioloX® Delta (Al2O3 và ZrO3) - Đường kính: 32(S-XL), 36(S-XL) mm. 40(S-L)</p> <p>3. Ổ cối: - Vật liệu: TiAl6V4 với tỷ lệ Aluminium: 5,5-6,75%, Vanadium: 3,5-4,5%, Titanium ≤ 88,105% có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối: - Chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiệt trùng bằng công nghệ gama 75kGy - Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm, Chống trật: 10 độ</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-80mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC</p> |
| 95 | Khớp háng toàn phần không xi măng COP chỏm lớn | Bộ | 20,00 | <p>* Chuôi xương đùi: vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic cao cấp thế hệ 4 (màu hồng) (ISO 6474-2), dạng hình cầu, size 32; 36; 40mm</p> <p>* Lớp đệm: vật liệu nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2). Chỏm lớn, đường kính trong Ø32, 36mm, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Ổ cối : vật liệu Titanium (Ti6V4 ELI) ISO 5832-3, phun Titanium rỗ tổ ong có độ xốp cao dày 350µm, có 03 lỗ bắt vít. Có 10 kích cỡ ổ cối Ø46 - 64mm</p> <p>* Vít neo: Titanium, Ø6.0mm, dài 20 - 45mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3</p> |

| | | | | |
|----|---|----|-------|---|
| 96 | Khớp háng toàn phần không xi măng COP, ổ cối phủ Plasma dạng rỗ tổ ong | Bộ | 30,00 | <p>* Chuôi xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗ tổ ong, chuôi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuận dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc ổ cối 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối: hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Plasma dạng rỗ tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 – 74mm.</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, có bờ chống trật, size Ø28-32mm, đường kính ngoài phủ hợp ổ cối. Cơ chế khóa giữa ổ cối và lớp đệm PE giúp cố định an toàn, chống xoay, chống lún</p> <p>* Đầu xương đùi: Ceramic (Sứ) thế hệ 4 (Màu hồng) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size Ø32-36mm (S, M, L).</p> <p>* Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.</p> |
| 97 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm | Bộ | 30,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatite (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc ổ cối: phổ biến ở hai góc độ 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): Chất liệu: Composite Ceramic, kích thước 32mm (-4, +0, +4); 36mm (-4, +0, +4).</p> <p>3. Ổ cối (Cup): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Insert) : Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. Mặt vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm ổ cối xương đùi. Cố định lớp đệm bằng 10 máu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |
| 98 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Vital-XE, chuôi phủ 500µm Titanium | Bộ | 25,00 | <p>1. Cuống khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) ISO 5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuống khớp. - Kích cỡ: 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,5/151,5mm; 15/152mm; 17,5/157,5mm; 20/162mm - Góc ổ cối (Neck Angle) : 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). - Offset: có 2 offset Standard (34,8-41,4mm); Lateralized (41,1-47,7mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện tử tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không. <p>2. Đầu chòm xương đùi (Ceramic Ball Head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hỗn hợp Alluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al₂O₃+ZrO₂), bề mặt trơn nhẵn, giảm độ mài mòn cao, vật liệu tương thích sinh học. - Đường kính: 32mm (-4; +0; +4; +8), 36mm (-3,5; +0; +3,5; +7), 40mm (-4;+0; +4; +8) <p>3. Ổ cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Công nghệ Ultrafit® phủ xung quanh vành ổ cối để giữ chắc chắn. - Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. - Phù hợp với lớp đệm PE và Ceramic. - Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút đẩy vít có thể tháo rời. <p>4. Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) liên kết chéo kết hợp với Vitamin E, Có gờ chống trật: 0°; 10°; 20°. - Kích thước: 32mm; 36mm. - Ổ cối và lớp đệm được kết hợp theo mã màu (42/xanh lá, 44-46/đen, 48-50/vàng, 52-54/xám, 56-60/xanh dương, 62-70/đỏ). <p>5. Vít ổ cối: Titanium đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 99 | Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Vital-XE, chuôi phủ 300µm Titanium + 50µm HA | Bộ | 30,00 | <p>1. Cuồng khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) ISO 5832/11. - Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. - Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuồng khớp Kích cỡ chuôi: có 12 kích cỡ từ 1/130,5mm; 2/140,5mm; 3/145,5mm; 4/150,5mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,5mm; 9/175,4mm; 10/180,4mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. - Góc cổ chuôi: 12/14, 5°42'30". - Offset: có 2 loại offset Standard (CCD: 135°; 40-46mm); Lateralized (CCD: 127°; 46-53,5mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện tử tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không. <p>2. Đầu chòm xương đùi (Ceramic Ball Head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hỗn hợp Aluminium, Zirconia và một số oxydes khác (Al₂O₃+ZrO₂), bề mặt trơn nhẵn, giảm độ mài mòn cao, vật liệu tương thích sinh học. - Đường kính: 32mm (-4; +0; +4; +8), 36mm (-3,5; +0; +3,5; +7), 40mm (-4; +0; +4; +8) <p>3. Ổ cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3.. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Công nghệ Ultrafit® phủ xung quanh vành ổ cối để giữ chắc chắn. - Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. - Phù hợp với lớp đệm PE và Ceramic. - Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút đẩy vít có thể tháo rời. <p>4. Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) liên kết chéo kết hợp với Vitamin E, Có gờ chống trượt: 0°; 10°; 20°. - Kích thước: 32mm; 36mm. - Ổ cối và lớp đệm được kết hợp theo mã màu (42/xanh lá, 44-46/đen, 48-50/vàng, 52-54/xám, 56-60/xanh dương, 62-70/đỏ). <p>5. Vít ổ cối (Screw): Titanium đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm). Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |
| 100 | Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuôi 131 độ 6Al-4V, chòm zirconium&niobium, ổ cối titanium 6Al-4V R3 | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120/135/140/150/155/160/165/170/175/180/185/190 mm, góc cổ chuôi 131 độ. Chuôi thuôn 3 độ từ đầu gần tới đầu xa. Mặt cắt hình nón rộng từ 8mm-21mm. Bề rộng trong ngoài từ 27mm-40mm, bề rộng trước sau từ 12mm đến 25mm.</p> <p>2. Chòm khớp chất liệu Oxinium chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viên bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 101 | Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuôi 131 độ 6Al-4V, chòm zirconium&niobium, ổ cối titanium 6Al-4V R3 phủ HA | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120/135/140/150/155/160/165/170/175/180/185/190 mm, góc cổ chuôi 131 độ. Chuôi thuôn 3 độ từ đầu gần tới đầu xa. Mặt cắt hình nón rộng từ 8mm-21mm. Bề rộng trong ngoài từ 27mm-40mm, bề rộng trước sau từ 12mm đến 25mm.</p> <p>2. Chòm khớp chất liệu Oxinium chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viên bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |

| | | | | |
|-----|--|----|-------|--|
| 102 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Polarstem phủ HA, ổ cối R3, chòm zirconium&niobium | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma 180 micron, tiêu chuẩn ISO5832-2, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ</p> <p>2. Chòm khớp chất liệu Oxinium chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 103 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Polarstem phủ HA, ổ cối R3HA, chòm zirconium&niobium | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma 180 micron, tiêu chuẩn ISO5832-2, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ</p> <p>2. Chòm khớp chất liệu Oxinium chứa 97.5% zirconium và 2.5% niobium, được xử lý nhiệt độ cao và ô xi hoá, tạo thành vật liệu với bề mặt sứ dày 5 micron trên lõi kim loại. kích thước 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 104 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ titanium và HA, ổ cối chuyên động đôi không xi măng, lớp đệm + chòm ceramic | Bộ | 25,00 | <p>1. Chuỗi xương đùi (cuống xương đùi): Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Chuỗi tự khóa. Góc cổ chuỗi ≤ 135°, cổ côn 12/14, hình elip. Có tối thiểu 9 cỡ, dài từ 87mm đến 170mm</p> <p>2. Ổ cối (cup): mặt ngoài được phủ titanium và hydroxyapatite, mặt trong được đánh bóng với độ nhám <0,05µm. Vành ngoài có ≥ 8 đỉnh cố định chống xoay và chống lật. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome. Kích cỡ: có tối thiểu 6 cỡ, từ cỡ 48 đến cỡ 60</p> <p>3. Đầu xương đùi (chòm) + Lớp đệm: được thiết kế lắp sẵn với nhau; chòm chuyên động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyên động bên trong ổ cối, tạo thành chuyên động kép. Chòm Ceramic Ceralepine đường kính ≤ 28mm tương ứng ổ cối có kích cỡ từ cỡ 48 đến cỡ 60</p> |
| 105 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E | Bộ | 30 | <p>Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmapore µ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuỗi khớp,</p> <p>* Chuỗi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>- Chiều dài chuỗi (tính từ cổ chuỗi đến cuối thân chuỗi) 145-190mm.</p> <p>- Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm.</p> <p>* Ổ cối: Phủ công nghệ độc quyền Plasmapore 40% CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 44mm - 62mm thích hợp cho những bệnh nhân có Ổ cối nhỏ, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3).</p> <p>* Liner: Có bờ chống trượt phía sau. Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2), kết hợp Vitamine E.</p> <p>- Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm.</p> <p>* Head: Chất liệu bằng BioloX® delta Alumina matrix composite ceramic thế hệ mới nhất. Có các size 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>* Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu hợp kim Titanium (ISOTAN F).</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 106 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic COP, ổ cối Pressfit | Bộ | 20,00 | <p>Kết hợp với dụng cụ mô lồi trước</p> <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối Pressfit : Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực, có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm . Lớp lót bằng X-Linked Poly (Highly cross-linked UHMWPE) siêu bền giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bề chống trượt 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định. Chòm xương đùi: chất liệu Ceramic (Alumina - Zirconia), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm), 32mm (-4mm, 0mm, +4mm, +7mm), 36mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm), 40mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm). Taper 12/14 Chuôi khớp không dùng xi măng chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuôi 12/14mm, có 10 cỡ 7.5:114mm (offset C:31mm; D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm; D:37mm), 10:119mm (offset C:34mm; D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm; D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm; D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm; D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm; D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm; D:46mm), 17,5:134mm (offset C:37mm; D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm; D:48mm). Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm. Nút Vít chặn đáy ổ cối Vít chặn lỗ bắt vít ổ cối <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| IX | Khớp háng toàn phần không xi măng MOP | | | |
| 107 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi thon | Bộ | 50,00 | <ol style="list-style-type: none"> Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít , 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhả khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo) siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bề chống trượt 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,±3.5mm,+7mm,+10.5mm) với taper 12/14. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium/ Cobalt Chrome Alloy, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm).Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43- 50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14 Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC; FDA</p> |
| 108 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi ngắn | Bộ | 50,00 | <ol style="list-style-type: none"> Chuôi khớp háng: <ul style="list-style-type: none"> Ti-6Al-4v, toàn bộ bề mặt được phủ lớp Porous Plasma Spray + HA có độ xốp tối ưu; Thân xương đùi thiết kế gắn với chòm B-One TM 12/14 . Kích cỡ: từ 1 đến 11 cỡ với cổ 127 độ và 132 độ, chiều dài cổ 27mm - 40mm; Kích thước thân 96mm, 99mm, 102mm, 105mm, 108mm, 111mm, 114mm, 117mm, 120mm, 123mm, 126mm. Đầu xương đùi: vật liệu Cobalt Chrome đường kính 32mm (-4, 0, +4, +7), 36mm (-4, 0, +4, +8) Ổ cối: Vật liệu : Ti-6Al-4v, thiết kế dạng bán cầu tỷ lệ tối ưu từ đầu đến vỏ bề mặt nhám tổ ong phủ lớp PPS + HA tinh khiết (titanium porous plasma spray + HA); kích thước từ 40mm-76mm, Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 10°, bờ chống trượt trên ổ cối, cơ chế khóa kép lớp đệm ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Lớp đệm: vật liệu: Vitamin E kết hợp UHMWPE , có 2 dạng chống trượt neutral (0°) và hooded (10°) đường kính trong 28mm,32mm, 36mm. Vít ổ cối: tự ren (self threading), đường kính 6,5mm và chiều dài 16-60mm. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; FDA</p> |

| | | | | |
|-----|--|----|-------|--|
| 109 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi thon | Bộ | 50,00 | <p>1. Cuống xương đùi: Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ bên ngoài Titanium-Plasma rỗ tổ ong. Độ dày của lớp phủ 195 - 255 μm. Có 2 loại cuống cổ Standard và Hight Offset, góc cổ chuỗi 132°, Cổ chuỗi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Có 13 size: từ 0 - 12, chiều dài chuỗi từ 128mm, 130mm, 133mm, 136mm, 138mm, 140mm, 143mm, 145mm, 148mm, 151mm, 153mm, 158mm, 163mm. Độ bền kéo > 22 MPA, độ bền cắt > 22 MPA. Thân khớp hình thon, có rãnh dọc chống xoay.</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 32mm, 36mm, 40mm có các size -3,5; 0; +4; +8</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) > 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. 3 lỗ hoặc nhiều lỗ bắt vít nhằm cố định ổ cối. Thiết kế 12 giờ tự định vị, tự khóa và chống xoay Liner trong viên ổ cối. Đáy ổ cối có vít chống thấm dịch. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE crosslinked, liên kết chéo chiếu xạ tia Grama ở 7.5, khử trùng ETO. Thiết kế kiểu nghiêng 0°, 10°, 20° để chống trật. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Bằng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 110 | Khớp háng toàn phần không xi măng | Bộ | 20,00 | <p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) $\geq 70\%$, Độ kết dính $\geq 80\%$ độ dày 120-190μm trên nền Titanium lỗ tổ ong. Có 2 loại cổ Standard và Hight Offset. Cổ chuỗi (Taper) 12/14mm được đánh bóng gương. Độ đi lệch cổ chuỗi (Offset): 38.2, 38.5, 39.5, 40.0, 41.0, 41.5, 42.0, 43.0, 43.5, 44.5. Chiều dài cổ chuỗi (Standard Offset): 38.5. Góc cổ thân 125° đến 135° Chuỗi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Có 10 size với mỗi bước tăng 1 size/ chiều dài thân chuỗi: 116, 131, 141, 146, 151, 156, 161, 166, 171, 181. Độ bền kéo > 15MPa, Ca/P1.67</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 32mm, 36mm, 40mm có các size -3,5; 0; +4; +8</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hidroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) > 70%. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. 3 lỗ hoặc nhiều lỗ bắt vít nhằm cố định ổ cối. Thiết kế 12 giờ tự định vị, tự khóa và chống xoay Liner trong viên ổ cối. Đáy ổ cối có vít chống thấm dịch. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE crosslinked, liên kết chéo chiếu xạ tia Grama ở 7.5, khử trùng ETO. Thiết kế kiểu nghiêng 0°, 10°, 20° để chống trật. Đường kính trong tương ứng 28mm, 32mm, 36mm, 40mm.</p> <p>5. Vít ổ cối: Vật liệu: Bằng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 111 | Khớp háng toàn phần không xi măng, góc cổ thân chuỗi 130 độ, chuỗi phủ calcium phosphate (CaP) HX, Metal on PE | Bộ | 20,00 | <p>01. Cuống xương đùi (Ti6Al4V): Bên ngoài phủ toàn thân chuỗi lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15μm) Rãnh chống lún, xoay. Chuỗi dạng thẳng, tiết diện hình chữ nhật/hình thang giúp cố định vững chắc. Hệ thống chuỗi tương thích giải phẫu học có 11 kích cỡ. Góc cổ thân chuỗi CCD 130 độ, đầu chuỗi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi CoCrMo : Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36(-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36mm (ổ cối 62 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04.Ổ cối loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mở lõi trước</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 112 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi dạng cong giải phẫu học (anatomic stem), góc cổ thân chuỗi 126 độ, phủ calcium phosphate (CaP) HX, Metal on PE | Bộ | 20,00 | <p>01. Cuồng xương đùi hợp kim Tilastan-S (Ti6Al4V) : Thiết kế dạng cong theo giải phẫu học xương đùi, bên ngoài phủ lớp HX ® (điện hóa calcium phosphate phủ ngoài dày 15µm) Rãnh chống lún, xoay. Hệ thống chuỗi riêng biệt theo 2 bên trái/phải xương đùi 16 size. Góc cổ thân chuỗi CCD 126 độ, đầu chuỗi dạng taper 12/14.</p> <p>02. Đầu xương đùi CoCrMo : Kích cỡ: 28(-3.5,0,+3.5)mm, 32(-4,0,+4)mm, 36(-4,0,+4)mm.</p> <p>03. Lớp đệm nhựa cao phân tử (crosslink UHMWPE) 6 cỡ: A đường kính trong 28mm (ổ cối 42 - 44mm) B đường kính trong 32mm (ổ cối 46 - 48mm) C đường kính trong 36mm (ổ cối 50 - 52mm) D đường kính trong 36mm (ổ cối 54 - 56mm) E đường kính trong 36mm (ổ cối 58 - 60mm) F đường kính trong 36mm (ổ cối 62 - 72mm) Có gờ chống trật 5mm, Có các chốt cố định vị trí.</p> <p>04. Ổ cối loại press fit chất liệu hợp kim titanium (Ti6Al4V) phủ ngoài lớp Plasma (công nghệ phun Plasma tinh khiết) hoặc phủ Calcium phosphate (TiCaP). Có 3 lỗ bắt vít hỗ trợ hoặc nhiều lỗ bắt vít hỗ trợ dành cho các ca thay lại. Tương thích với cả lớp đệm loại chuyển động đôi, lớp đệm tăng offset để chuyển đổi trong phẫu thuật. Có 16 cỡ từ 42-72mm mỗi bước tăng 2mm.</p> <p>05. Vít ổ cối có đường kính 6.5mm dài từ 15-80mm Có bộ dụng cụ mổ lỗi trước</p> |
| 113 | Bộ khớp háng toàn phần không xi măng UTF-reduced góc cổ chuỗi 130 độ, Metal on PE có vitamin E (kích thước chỏm 28/32/36) | Bộ | 20,00 | <p>1. Ổ cối không xi măng: làm bằng hợp kim Titanium Alloy (Ti-6Al-4V) được phun Titanium Plasma (TiPlasma) nhám và phủ HA 0.08mm. Có 12 chốt khóa chống xoay. Ổ cối có 2 loại: ít lỗ vít (Cluster) hoặc nhiều lỗ vít (Multi hole), có 14 cỡ từ 44mm - 70mm với bước chuyển 2mm. Chốt ổ cối có đánh dấu laser chỉ hướng. Có các lỗ vít với hướng xoay 32 độ. Các lỗ vít đều có nút chặn.</p> <p>2. Lớp lót: Vật liệu làm bằng Polyethylene Crosslink siêu bền có bổ sung vitamin E (E-XPE) giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có 2 dạng (0° và 20°) Đường kính trong 28mm, 32mm, 36mm.</p> <p>3. Chỏm xương đùi: bằng Cobalt Chrome siêu nhẵn; kích thước 28mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm), 32mm (-3mm, +0mm, +2.5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) và chỏm lớn 36mm (-3mm, +0mm, +5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuỗi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gần, dạng nằm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm).</p> <p>5. Vít ổ cối: Titanium (số lượng: 02 cái): mũ lục lăng, đường kính 6.5mm với các độ dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm. Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|--|
| 114 | Bộ khớp háng toàn phần chòm kim loại, lớp lót Polyethylene chuỗi thường (MOP) | Bộ | 20,00 | <p>Ổ cối: Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ Vật liệu: hợp kim Tivanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm Vít ổ cối: Là loại tự ta-rô Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm Lót ổ cối: Vật liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E Đường kính ngoài: 40 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm Đường kính trong: 22, 28, 32, 36 mm Có gờ chống trật khớp vát 15 độ Chòm khớp: Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T Đường kính (head) có các loại: 28 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 32 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 36 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 40 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm, 44 (-3.5, 0,±3.5,+7,+10.5)mm Chuôi khớp háng: Vật liệu Tivanium phủ Plasma; Góc cổ chuỗi 131 độ, tối ưu hóa tầm vận động; Cổ chuỗi côn 12/14, loại cổ định đầu gần, có rãnh ở phía đầu xa tạo kênh giúp máu và mảnh xương có thể thoát ra ngoài trong quá trình phẫu thuật; Chuôi được thiết kế giúp cố định trước/sau Đầu xa được thiết kế bề mặt nhẵn bóng cao giúp dễ đưa chuỗi vào lòng ống tủy; Cổ chuỗi dạng thuôn gọn phía dưới cổ côn 12/14 giúp tăng biên độ vận động; Kích cỡ chuỗi (Stem Size) có 14 cỡ từ 4 đến 22.5 mm Chiều dài chuỗi (Stem Length) có 14 cỡ từ 107mm đến 144mm Độ dài cổ chuỗi tiêu chuẩn có các cỡ -3.5, +0, +3.5, +7 và +10.5 tương ứng với 14 cỡ chuỗi khác nhau</p> |
| 115 | Khớp háng toàn phần không xi măng cổ chuỗi 41mm dạng 3 vây cá | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Cobalt Chrome/SS, đường kính 32mm, gồm: S(-4), M(0,0), L(+4), S(-3.5), L(+3.5), XL(+7), XXL (+11); S,M,L,XL, XXL 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm, - Có 3 vây cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) 3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 127, 137,142, 147, 152, 157, 162,167,177,187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuỗi 125° và 135°, cổ chuỗi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, Taper 12/14 (góc 5°42'30"). 4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/XLPE+Vitamin E, đường kính 28,32mm; kích thước: 44-46mm,48-50mm,52-54mm,56-58mm. - Có hoặc không có bờ chống trật 5. Vít ổ cối: - Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-50mm. - Tự ta-rô Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 116 | Khớp háng toàn phần không xi măng cổ chuỗi 41mm dạng 3 vây cá, chòm lớn | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cobalt Chrome/SS, đường kính 32,36mm, gồm: S(-4), M(0,0), L(+4), XL(+7), XL(+8); S,M,L,XL <p>2. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Ti6Al4V grade 5 ELI (ISO 5832-3), phủ Titanium Y 367 và phủ Plasma Ti-Growth-C (400+/-100 micron) hoặc phủ Plasma Ti-Growth-C(400+/-100 micron và HA 40+/-10micro hoặc Titanium Y 367 (300+/-100micron); kích thước từ 44mm-72mm - Có 3 vây cá ở vị trí 70 độ mỗi bên, chống xoay, bề mặt nhám tổ ong; 3 lỗ vít thiết kế lệch trục lên đến 15 độ, cơ chế khóa lớp đệm bằng Neo hình nón (conial Anchor) ngăn chặn các vi chuyển động giữa lớp đệm và ổ cối. Tương thích với mũi khoan 4,5mmx56mm (Drill bit) <p>3. Cuồng xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium alloy (Ti6Al4V), grade 5ELI(ISO5832/3) toàn bộ phủ HA OSPROVIT 100+/-20µm, Kích cỡ: 11 cỡ từ 1-8 và 8.5-10, chiều dài: 127, 137, 142, 147, 152, 157, 162, 167, 177, 187mm. - Có rãnh chống lún và chống xoay, góc cổ chuỗi 125° và 135°, cổ chuỗi dài 41mm; offset 37-44.3mm, đoạn xa có tiết diện vuông; đoạn gần có tiết diện hình thang. Có 14 cỡ cổ modular điều chỉnh 8 hoặc 15 độ góc vẹo trong/vẹo ngoài; 8 hoặc 14 độ nghiêng trước/sau, Taper 12/14 (góc 5°42'30"). <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu XLPE (ISO 5834-2) Crosslinked/XLPE+Vitamin E, đường kính 32,36mm; kích thước: 44-46mm, 48-50mm, 52-54mm, 56-58mm. - Có hoặc không có bờ chống trượt <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium, đường kính 6,5mm và dài 20-50mm. - Tự ta-rô <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 117 | Khớp háng toàn phần không xi măng head 32, chuỗi vuông cổ ngắn dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm, bờ chống trượt 5 độ trên ổ cối | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/stainless steel. Kích cỡ: đường kính 32mm; gồm: S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5) <p>2. Ổ cối (Acetabular):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích thước từ 42mm-64mm - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trượt vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm <p>3. Cuồng xương đùi (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandbalsted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN, 0SN, 1SN, ... 10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang: chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip <p>4. Lớp lót (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: UHMWPE HC Hooded/Flat. Kích cỡ: đường kính 28,32mm. - có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trượt 10 độ, cỡ C, E, F, G <p>5. Vít ổ cối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. <p>Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lỗi trước ít xâm lấn</p> <p>Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 118 | Khớp háng toàn phần không xi măng head 36, chuôi vuông cổ ngắn dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm, bờ chống trật 5 độ trên ổ cối | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chỏm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/stainless steel. Kích cỡ: đường kính 32, 36mm; gồm:S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5)</p> <p>2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích thước từ 42mm-64mm - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%, phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm</p> <p>3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb(ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 11 cỡ standard, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN,0SN,1SN,...10SN và 10 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc cổ thân 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ: cổ tròn dài 33,9mm và ngắn hơn 5mm; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip</p> <p>4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu: UHMWPE HC Hooded/Flat . Kích cỡ: đường kính 32, 36mm. - Có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ, cỡ C, E, F, G</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |
| 119 | Khớp háng toàn phần không xi măng phủ HA dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%, CoCrMo on UHMWPE crosslink siêu liên kết, chỏm CoCrMo 32/36mm, Ổ cối phủ HA trên ổ cối có 3 lỗ để bắt vít, góc cổ chuôi 135° | Bộ | 30,00 | <p>1. Chuôi: - Chất liệu: Titan TiAl6V4 phủ HA có độ dày 155 ± 30 µm toàn phần độ xốp ≤ 10%, Cấu tạo pure titanium implant Titan TiAl6V4-forged alloy phủ tổ ong 60% độ dày thanh liên kết 330 - 390µm độ co giãn 3GPa*. Kích thước: 11 cỡ trung bình. Góc cổ thân: 135 độ. Taper 12/ 14 mm. Cỡ chuôi 8/9/10/11/12/13/14/15/16/18/20, tương ứng 114,5mm/129,5mm/139,4mm/144,4mm/149,4mm/154,3mm/159,4mm/164,4mm/169,4mm/179,4mm/189,4mm. Rộng A/P: 26.7/27.9/29.1/30.3/31.5/32.4/33.3/34.9/36.1/38.1/40.1. M/L: 13.3/13.3/14.3/14.7/15.2/15.5/16.3/16.8/16.8/18.7/20.1. Cuối thân A/P: 5.5/5.2/6/7/7.8/8.3/9.3/10.3/10.8/11.9/12.8. M/L: 7/8/9/9.5/10/10/10/10/10/11/11. Có các cỡ offset: 38.5/ 39/ 39.5/ 40/ 40.5/ 41/ 41.5/ 42/ 42.5/ 43.5/ 44.5mm.</p> <p>2. Chỏm : Vật liệu CoCrMo có tỷ lệ Chromium: 26,5-30,0%, Molybdenum: 4,5-7,0%, Cobalt: ≤ 51,65%.. Các cỡ 32/36mm (K(-4), M(0), L(+4),XL(+8) cổ đầu 12/14</p> <p>3. Ổ cối: - Vật liệu: TiAl6V4 với tỷ lệ Aluminium: 5,5-6,75%, Vanadium: 3,5-4,5%, Titanium ≤ 88,105% có phủ HA. Kích thước: 46/48/50/52/54/56/ 58/60/62/64/66/68mm với bước tăng 2mm. Có 3 lỗ bắt vít ổ cối có nút bịt, góc bắt vít ổ cối lên tới 15°.</p> <p>4. Miếng lót ổ cối: - Chất liệu polyethylene cao phân tử siêu liên kết crosslinked UHMWPE tiệt trùng bằng công nghệ gama 75kGy - Đường kính trong/ngoài: các cỡ: 32/39-44-48-52mm, 36/44-48-52mm, Chống trật: 10 độ</p> <p>5. Vít ổ cối - Chất liệu: TiAl6V4. Kích thước: 15-80mm bước tăng 5mm, đường kính 6.5mm Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 và EC</p> |
| 120 | Khớp háng toàn phần không xi măng PE chỏm xương đùi lớn | Bộ | 20,00 | <p>* Chuôi xương đùi: loại H, vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155µm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3. * Ổ cối : vật liệu Titanium (Ti6V4 ELI) ISO 5832-3, phun Titanium rỗ tổ ong có độ xốp cao dày 350µm, có 03 lỗ bắt vít. Có 10 kích cỡ ổ cối Ø46 – 64mm * Lớp đệm: vật liệu nhựa Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2). Chỏm lớn, đường kính trong Ø32, 36mm, đường kính ngoài phủ hợp ổ cối. * Đầu xương đùi: thép không rỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø32; 36mm. * Vít neo: Titanium, Ø6.0mm, dài 20 – 45mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 121 | Khớp háng toàn phần không xi măng PE, ổ cối phủ Plasma dạng rỗng tổ ong | Bộ | 20,00 | <p>* Chuôi xương đùi: Hợp kim Titanium (Ti6Al4V) phủ Ti-Plasma rỗng tổ ong, chuôi tiết diện hình chữ nhật, có rãnh dọc chống xoay, được vát thuận dần hai bên 5°; hai mặt trước-sau 2° làm tăng độ chịu nén, chống lún. Góc cổ chuôi 132°. Neck Taper 12/14 mm, có 11 kích cỡ, dài 137 - 177mm</p> <p>* Ổ cối: hybrid cup vật liệu Titanium, phủ Plasma dạng rỗng tổ ong với hơn 30% độ xốp, hình bán cầu, có 3 lỗ bắt vít, có 10 kích cỡ 44 – 74mm.</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử, có bờ chống trật, size Ø28-32mm, đường kính ngoài phủ hợp ổ cối. Cơ chế khóa giữa ổ cối và lớp đệm PE giúp cố định an toàn, chống xoay, chống lún</p> <p>* Đầu xương đùi: hợp kim Co-Cr-Mo được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø28-32mm (S, M, L)</p> <p>* Vít: Titanium đường kính Ø6,4mm, chiều dài 15 - 60mm.</p> |
| 122 | Khớp háng toàn phần không xi măng, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatid e (HA) 100µm. | Bộ | 30,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatid e (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. Góc cổ chuôi 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): Vật liệu: Co-Cr, kích thước 32mm (-4, +0, +4, +8); 36mm (-4, +0, +4, +8).</p> <p>3. Ổ cối (Cup): Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium Hydroxyapatite (HA) 80µm cho độ nhám cao. Thiết kế 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Insert) : Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked. Mặt vát 20° của lớp đệm hạn chế sự va chạm cổ xương đùi. Cố định lớp đệm bằng 10 mấu chống xoay gắn vào vành của ổ cối. Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm.</p> <p>5. Vít ổ cối (Screw): Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài vít 20-50mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |
| 123 | Khớp háng toàn phần không xi măng PM 734 | Bộ | 30,00 | <p>1. Cuống khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) ISO 5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuống khớp. - Kích cỡ: 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,5/151,5mm; 15/152mm; 17,5/157,5mm 20/162mm - Góc cổ chuôi (Neck Angle) : 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). - Offset: có 2 offset Standard (34,8-41,4mm); Lateralized (41,1-47,7mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện từ tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không. <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hồn hợp thép PM734 không ri nitro hóa cao ISO5832/9 - Đường kính: 32mm (-4; 0; +4; +8), 36mm (-3,5; 0; +3,5; +7). <p>3. Ổ cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)- ISO5832/3. . Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Công nghệ Ultrafit® phủ xung quanh vành ổ cối để giữ chắc chắn. - Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. - Phù hợp với lớp đệm PE và Ceramic. - Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút dẩy vít có thể tháo rời. <p>4. Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate . Có gờ chống trật: 0°; 10°; 20°. - Kích thước: 32mm; 36mm. - Ổ cối và lớp đệm được kết hợp theo mã màu (42/xanh lá, 44-46/đen, 48-50/vàng, 52-54/xám, 56-60/xanh dương, 62-70/đỏ). <p>5. Vít ổ cối (Screw) : Titanium đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |

| | | | | |
|-----|--|----|-------|---|
| 124 | Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on poly, chuỗi phủ 2 lớp 300µm Titanium + 50µm HA | Bộ | 20,00 | <p>1. Cuống khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) ISO 5832/11. - Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. - Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuống khớp Kích cỡ chuỗi: có 12 kích cỡ từ 1/130,5mm; 2/140,5mm; 3/145,5mm; 4/150,5mm; 5/155,5mm; 6/160,5mm; 7/165,5mm; 8/170,5mm; 9/175,4mm; 10/180,4mm; 11/185,4mm; 12/190,4mm. - Góc cổ chuỗi: 12/14, 5°42'30". - Offset: có 2 loại offset Standard (CCD: 135°; 40-46mm); Lateralized (CCD: 127°; 46-53,5mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện từ tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không. <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hỗn hợp thép PM734 không ri nitro hóa cao ISO5832/9 - Đường kính: 32mm (-4; 0; +4; +8), 36mm (-3,5; 0; +3,5; +7). <p>3. Ổ cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3.. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Công nghệ Ultrafit® phủ xung quanh vành ổ cối để giữ chắc chắn. - Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. - Phù hợp với lớp đệm PE và Ceramic. - Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút đẩy vít có thể tháo rời. <p>4. Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) không Calcium Stearate , Có gờ chống trượt: 0°; 10°; 20°. - Kích thước: 32mm; 36mm. - Ổ cối và lớp đệm được kết hợp theo mã màu (42/xanh lá, 44-46/đen, 48-50/vàng, 52-54/xám, 56-60/xanh dương, 62-70/đỏ). <p>5. Vít ổ cối (Screw): Titanium đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm). Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |
| 125 | Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuỗi 131 độ 6Al-4V, chòm COCR, ổ cối titanium 6Al-4V R3 | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120/135/140/150/155/160/165/170/175/180/185/190 mm, góc cổ chuỗi 131 độ. Chuôi thon 3 độ từ đầu gần tới đầu xa. Mặt cắt hình nón rộng từ 8mm-21mm. Bề rộng trong ngoài từ 27mm-40mm, bề rộng trước sau từ 12mm đến 25mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viên bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 126 | Khớp háng toàn phần không xi măng góc cổ chuỗi 131 độ 6Al-4V, chòm COCR, ổ cối titanium 6Al-4V R3 phủ HA | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi khớp chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, chiều dài từ 120/135/140/150/155/160/165/170/175/180/185/190 mm, góc cổ chuỗi 131 độ. Chuôi thon 3 độ từ đầu gần tới đầu xa. Mặt cắt hình nón rộng từ 8mm-21mm. Bề rộng trong ngoài từ 27mm-40mm, bề rộng trước sau từ 12mm đến 25mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viên bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |

| | | | | |
|-----|--|----|-------|--|
| 127 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Polarstem phủ HA, ổ cối R3, chòm Coccr | Bộ | 5,00 | <p>1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma 180 micron, tiêu chuẩn ISO5832-2, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ</p> <p>2. Chòm khớp phủ hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 128 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi Polarstem phủ HA, ổ cối R3HA, chòm Coccr | Bộ | 5,00 | <p>1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V phủ HA, phủ Ti-plasma 180 micron, tiêu chuẩn ISO5832-2, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119/125/132/136/139/143/147/151/155/159/163/167/171 mm, góc cổ chuỗi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuỗi 29mm-44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ</p> <p>2. Chòm khớp phủ hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 µm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 129 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ titanium và HA, ổ cối chuyển động đôi không xi măng, chòm thép không gỉ | Bộ | 50,00 | <p>1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Chuôi tự khóa. Góc cổ chuỗi $\leq 135^\circ$, cổ côn 12/14, hình elíp. Có tối thiểu 9 cỡ, chiều dài từ 87mm đến 170mm</p> <p>2. Ổ cối (cup): mặt ngoài được phủ titanium và hydroxyapatite, mặt trong được đánh bóng với độ nhám $<0,05\mu\text{m}$. Vành ngoài có đỉnh cố định chống xoay; đỉnh ổ cối có đỉnh chống lật và xoay. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome hoặc tương đương. Kích cỡ: có tối thiểu 8 cỡ, từ cỡ 44 đến cỡ 60</p> <p>3. Lớp đệm (liner): Vật liệu: Polyethylene hoặc tương đương, các cỡ</p> <p>4. Đầu xương đùi (chòm): chòm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Đường kính $\leq 22,2\text{mm}$, đường kính $\geq 28\text{mm}$ với nhiều kích cỡ, tối thiểu phải có 0; +3, -3.5; +3.5; +7.</p> |
| 130 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, lớp đệm kết hợp Vitamin E | Bộ | 20 | <p>Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore $\mu\text{-CaP}$ (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuỗi khớp,</p> <p>* Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 15:138mm, 16:142mm, 17:146mm, 18:150mm.</p> <p>- Chiều dài chuỗi (tính từ cổ chuỗi đến cuối thân chuỗi) 145-190mm.</p> <p>- Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm.</p> <p>* Liner: Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E</p> <p>- Độ dày lớp lót tại khu vực chịu lực chính, tối thiểu dày 5,5 mm.</p> <p>* Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12)</p> <p>* Ổ cối: Loại ổ cối Plasmafit phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 70mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3)</p> <p>* Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3), góc xoay đa hướng +/- 9°.</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO, CE</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 131 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi thon nhỏ phủ hợp lỏng tùy nhỏ, phủ HA toàn thân chuỗi, góc cổ thân 131 độ | Bộ | 20,00 | <p>Kết hợp với dụng cụ mổ lõi trước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ổ cối Pressfit : Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực, có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm. 2. Lớp lót Insert, 15° hooded, chất liệu UHMWPE, có bờ chống trật 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định. 3. Chòm xương đùi: chất liệu hợp kim CoCrMo, 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm), 32mm (-4mm, 0mm, +4mm, +7mm, +10,5mm), 36mm (-4mm, 0mm, +4mm, +8mm, +10,5mm). Taper 12/14 4. Chuỗi khớp không dùng xi măng Pressfit chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA toàn thân. Rãnh ngang chống lún và rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuỗi 12/14mm, có 10 cỡ 7.5:114mm (offset C:31mm; D:36mm), 9:117mm (offset C:31mm; D:37mm), 10:119mm (offset C:34mm; D:40mm), 11:121mm (offset C:34mm; D:41mm), 12.5:124mm (offset C:34mm; D:41mm), 13.5:126mm (offset C:37mm; D:45mm), 15:129mm (offset C:37mm; D:45mm), 16:132mm (offset C:37mm; D:46mm), 17.5:134mm (offset C:37mm; D:47mm), 20:139mm (offset C:37mm; D:48mm). 5. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm. |
| 132 | Khớp háng toàn phần không xi măng khóa đáy ổ cối công nghệ chuỗi phủ Hydroxy-apatite | Bộ | 20,00 | <p>* Cuồng khớp: Vật liệu : Titanium alloy với lớp phủ Hydroxy-apatite (HA) giúp thúc đẩy liền xương sớm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có gờ chống lún chuỗi với thiết kế hình nêm cả hai chiều - cố định tốt, chuyển tải lực phía đầu gân tốt hơn giúp liền xương sớm - Kích cỡ chuỗi: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 130, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 180, 190mm. <p>*Ổ cối:</p> <p>Vật liệu : Titanium alloy lớp phủ Titanium Plasma Spray giúp cố định thì đầu tốt hơn, với cấu trúc tầng khoảng trống (diện tiếp xúc). Có thể lắp được với cả 2 loại lớp đệm PE và Ceramic.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiết kế khóa lớp đệm tại đáy ổ cối, giúp lắp đặt dễ dàng và giảm mài mòn - Có thể gắn thêm đai cố định xung quanh viền ổ cối giúp cố định ổ cối vững hơn trong những trường hợp Chất lượng xương kém, khuyết xương... - Kích cỡ : 40 – 74 mm với mỗi bước tăng 2mm. <p>* Lớp đệm (Liner):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : Polyethylene cao phân tử (Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE)). - Đường kính trong : 28, 32, 36, 40 mm. - Đường kính ngoài : phù hợp với ổ cối có đường kính 40–74mm với mỗi bước tăng 2 mm. <p>* Đầu Chòm xương đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28, 32mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12). <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| X | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài | | | |
| 133 | Bộ khớp háng toàn phần cổ rời chuỗi dài không xi măng | Bộ | 15,00 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, chất liệu Titanium phủ lớp hạt titan HA độ xốp 30% độ dày 114µm, có lỗ bắt 3 vít, 7 vít, 8 vít, 10 vít tùy thuộc vào kích thước ổ cối, có vòng nhận khóa lớp lót, gồm đường kính các cỡ từ 46mm - 68mm và 46-76mm, bước tăng 2mm 2.Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo) siêu bền có bổ sung vitamin E giúp tăng khả năng chịu mài mòn, có bờ chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock. 3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm,±3,5mm,+7mm,+10.5mm) 4. Thiết kế cổ rời: góc cổ chuỗi động có thể điều chỉnh độ dài ngắn và góc động từ 127 độ, 135 độ, 143 độ, chiều dài cổ chuỗi: 27mm–38.5mm. 5. Cuồng xương đùi chất liệu Titanium. Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (34- 43mm), cổ dài (43 - 51mm). Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuỗi (Offset): Cổ ngắn (31- 40mm), cổ dài (34 - 43mm). Chiều dài: 176mm, 181mm, 186mm, 191mm, 196mm, 201mm, 206mm, 211mm, 216mm 6.Vít bắt ổ cối Titanium có chiều dài từ 15-50mm. <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC; FDA</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|--|
| 134 | Bộ khớp háng toàn phần chòm kim loại, lớp lót Polyethylene, chuỗi dài (MOP) | Bộ | 10,00 | <p>Ổ cối: Ổ cối có 3 lỗ bắt vít (Cluster-holed), thiết kế dạng bán cầu, có 12 gờ chống xoay cách nhau 30 độ và gờ khóa lớp lót ổ cối nghiêng 18 độ Vật liệu: hợp kim Titanium, bên ngoài được phủ lớp titanium nguyên chất dạng sợi Có 13 loại đường kính từ 44mm tới 68mm Vít ổ cối: Là loại tự ta-rô Có các loại kích thước: 4.5 x 15mm, 4.5 x 40mm, 4.5 x 50mm, 4.5 x 60mm, 6.5 x 15mm, 6.5 x 40mm, 6.5 x 50mm, 6.5 x 60mm, 6.5 x 70mm, 6.5 x 80mm Lót ổ cối: Vật liệu: Polyethylene cao phân tử có phủ Vitamin E Đường kính ngoài: 40 - 80mm với mỗi bước tăng 2mm Đường kính trong: 22, 28, 32, 36 mm Có gờ chống trật khớp vát 15 độ Chòm khớp: Vật liệu: hợp kim Cobalt-Chromium Molybdenum Sử dụng an toàn trong môi trường cộng hưởng từ (MRI) 1.5T và 3.0T Đường kính (head) có các loại: 28 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 32 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 36 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 40 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm, 44 (-3.5, 0, ±3.5, +7, +10.5)mm Chuỗi khớp háng: Vật liệu: hợp kim Titanium, thân được phủ Protasul-100 toàn bộ Góc cổ chuỗi (neck angle): 135 độ, cổ chuỗi côn 12/14 loại không xi măng Thân chuỗi hình nón nghiêng góc 2 độ, cổ chuỗi dạng không gờ, có 8 gờ chống xoay chạy dọc thân chuỗi, có 2 lỗ ở thân chuỗi để cố định chỉ thép. Độ dài chuỗi có 4 loại 190mm, 225mm, 265mm, 305mm. Chuỗi dài 190mm có 7 loại đường kính từ 14 mm đến 20 mm, bước tăng 1mm Chuỗi dài 225mm có 9 loại đường kính từ 14 mm đến 22 mm, bước tăng 1mm Chuỗi dài 265mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm Chuỗi dài 305mm có 12 loại đường kính từ 14 mm đến 25 mm, bước tăng 1mm</p> |
| 135 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài vuông dạng chêm 3 chiều taper dài 12mm. bờ chống trật 5 độ trên ổ cối | Bộ | 10,00 | <p>1. Đầu chòm xương đùi (Femoral head): - Chất liệu: Co-Cr-Mo (ISO 5832-12)/stainless steel. Kích cỡ: đường kính 32,36mm; gồm: S(-3.5), M(+0), L(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5) 2. Ổ cối (Acetabular): - Chất liệu: Titanium-Vanadium alloy: Sandblasted, phủ Ti 100µm và HA 90µm. Kích thước từ 42mm-64mm - Dạng Ellip đáy bằng ngang, cấu trúc rãnh tròn đường kính 0.7mm tăng diện tích tiếp xúc lên 30-40%. phù hợp cho lớp đệm hệ thống khớp đôi; 2 lỗ vít ở vị trí 11h và 13h. Bờ sau ổ cối được thiết kế cao lên 5°, đỉnh bờ chống trật vị trí 12h00 trên ổ cối; vòng khóa kẹp đa răng. Head 32 bắt đầu từ ổ cối 46mm; Head 36 bắt đầu từ ổ cối 50mm 3. Cuống xương đùi (Stem): - Chất liệu: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandblasted 5µm và phủ HA 80µm. Kích cỡ: 9 cỡ lateralised. Taper 12/14 Eurocone (góc 5°42'30") và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn, góc cổ thân 127°; dài 170, 175, 180, 185, 190, 195, 200, 205, 210, 215mm, offset 43.8mm-56.0mm - Dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip 4. Lớp lót (Liner): - Chất liệu: UHMWPE HC Hooded/Flat. Kích cỡ: đường kính 28,32,36mm. - có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có 2 dạng chính: trung tính và chống trật 10 độ 5. Vít ổ cối - Chất liệu Titanium. Kích cỡ: đường kính 6.5mm, dài 20-45mm. Tương thích với Bộ trợ cụ định vị di động AMIS, kỹ thuật mổ lối trước ít xâm lấn Có kèm hộp trợ cụ hỗ trợ khi sử dụng</p> |

| | | | | |
|-----|--|----|------|--|
| 136 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm COCR, ổ cối titanium 6Al-4V | Bộ | 5,00 | <p>1. Cuống khớp đầu côn 12/14. Cổ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động. Hai tùy chọn cổ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền ROCKTITE™: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún. Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuôi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 μm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt.</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 137 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài, chiều dài chuỗi 190/240/300mm, chòm COCR, ổ cối phủ HA | Bộ | 5,00 | <p>1. Cuống khớp đầu côn 12/14. Cổ dạng hình thang tròn, giúp tăng phạm vi chuyển động. Hai tùy chọn cổ: Standard Offset (131 độ), High Offset (125 độ) Chuôi hình thon chất liệu Titanium. Thiết kế rãnh độc quyền ROCKTITE™: Gồm chốt rãnh lớn và chốt rãnh nhỏ. Chốt rãnh lớn cung cấp độ ổn định dọc và xoay, giảm nguy cơ lún. Tăng chiều rộng 50% từ đầu xa đến đầu gần. Chốt rãnh nhỏ cung cấp độ ổn định dọc, tăng cả chiều rộng và chiều cao từ đầu xa tới đầu gần, tạo cấu trúc hình nêm đa dạng giúp chống lún. Chiều dài chuỗi: 190mm, 240mm, 300mm Đường kính: 12-27mm (bước tăng 1mm). Chuôi dài 190mm có đường kính 12-21mm.</p> <p>2. Chòm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22, 26, 28, 32, 36 mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16)</p> <p>3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V phủ HA, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. Phủ bột titan không đối xứng ba chiều, độ xốp 60%, kích thước rỗng trung bình 200 μm, có kênh khoá kép và 12 rãnh chống trượt</p> <p>4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene 10 Mrad, có hai loại nghiêng 0 và 20 độ, loại thường và loại có viền bổ sung 4mm bên ngoài.</p> <p>5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 đến 70 mm</p> |
| 138 | Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi dài 200-300mm phủ titanium và HA, ổ cối chuyển động đôi có xi măng kèm nẹp rá ổ cối hình chữ thập | Bộ | 5,00 | <p>1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, phủ 2 lớp Titanium và HA. Cổ chuỗi 12/14, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Chuôi có 2 lỗ bắt vít điều chỉnh. Có kích cỡ từ 12mm đến 16mm, chiều dài chuỗi từ 200mm đến 300mm. Vít điều chỉnh: đường kính ≤ 5.5mm, dài từ 28mm đến 55mm</p> <p>2. Ổ cối + Nẹp rá: nẹp rá ổ cối bằng thép không gỉ hoặc tương đương, có hình chữ thập, gồm 4 lỗ để bắt vít, tương ứng vít đường kính ≤ 5.0mm. Kích cỡ từ 4 đến 6 dành riêng cho bên phải hoặc bên trái. Cup ổ cối có xi măng bằng vật liệu UHMW-PE hoặc tương đương. Kích cỡ: từ 46 đến 56.</p> <p>3. Lớp đệm (liner): Lớp đệm và chòm được đóng thành 1 khối, chuyển động kép giữa lớp đệm và chòm, lớp đệm chuyển động trong chòm và chòm chuyển động trong lớp đệm. Lớp đệm xoay, trượt được bên trong ổ cối. Vật liệu: Polyethylene cao phân tử hoặc tương đương. Kích cỡ từ 44 đến 60</p> <p>4. Đầu xương đùi (chòm): thép không gỉ hoặc tương đương. Đường kính ≤ 22.2mm, đường kính ≥ 28mm với nhiều kích cỡ, tối thiểu phải có 0; +3, -3.5; +3.5; +7.</p> |
| XI | Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi | | | |

| | | | | |
|-----|--|----|-------|---|
| 139 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) $\geq 70\%$. Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Có 10 size với mỗi bước tăng 1 size/ chiều dài thân chuôi: 116-181. Độ bền kéo $>15\text{MPa}$, Ca/P1.67</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 22mm, 28mm có các size -3,5; 0; +4; +8. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác bề mặt được đánh bóng nhằm làm giảm hệ số ma sát chống lại sự mài mòn vật liệu.</p> <p>3. Ổ cối: Loại TM cúp MOB không bắt vít. Vật liệu bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V), phủ ngoài lớp HA trên nền Titanium - Plasma lỗ tổ ong. Đường kính: 42-70mm với mỗi bước tăng 2mm. Đường kính ổ cối nhỏ phù hợp cho bệnh nhân bị trật khớp bẩm sinh, nghịch sản ổ chảo.</p> <p>4. Lớp đệm: Vật liệu: UHMWPE High crosslinked, liên kết chéo chiếu xạ tia Grama ở 7.5, khử trùng ETO. Thiết kế hình bán cầu, đường kính ngoài phù hợp với mặt trong ổ cối. Đường kính trong dùng cho head 22mm và 28mm. Lớp liner này chuyển động trên đầu head và xoay dễ dàng trong ổ cối.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 140 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống xương đùi: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V) bên ngoài được phủ lớp Hydroxy apatite (HA) $\geq 70\%$. Góc cổ thân 125° đến 135° Chuôi hình ê-líp tăng biên độ chuyển động, có rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Có 10 size với mỗi bước tăng 1 size/ chiều dài thân chuôi: 116-181. Độ bền kéo $>15\text{MPa}$, Ca/P1.67</p> <p>2. Đầu xương đùi: Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel. Kích cỡ: 22mm, 28mm có các size -3,5; 0; +4; +8. Thiết kế: Dạng hình cầu chính xác bề mặt được đánh bóng nhằm làm giảm hệ số ma sát chống lại sự mài mòn vật liệu.</p> <p>3. Ổ cối: Vật liệu: Titanium, bên ngoài được phủ một lớp Hydroxy apatite (HA) trên nền Titanium lỗ tổ ong độ dày 100 micron. Độ kết dính $\geq 80\%$; Ca/P 1.67. Hàm lượng HA (%HAP) $> 70\%$. Độ nhám lớp phủ HA 40 micron. Kích cỡ từ 44-70 với mỗi bước tăng 2mm</p> <p>4. Lớp đệm trong: Vật liệu: làm bằng hợp kim Titanium (Ti6AL4V), thiết kế dạng khóa áp lực âm.. Đường kính trong được đánh bóng giảm sự ma sát, chống mài mòn vật liệu. Kích cỡ size 36mm - 58mm, sử dụng head 22mm, 28mm</p> <p>5. Lớp đệm ngoài: Vật liệu: UHMWPE, liên kết chéo chiếu xạ tia Grama ở 7.5, khử trùng ETO. Đường kính trong dùng cho head 22mm, 28mm. Lớp lót này chuyển động trên đầu head và xoay trong lớp lót trong.</p> <p>6. Vít ổ cối: Vật liệu: Bằng Titanium, tự taro. Đường kính 6.5 mm, chiều dài từ 15-70 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; TGA; EC</p> |
| 141 | Khớp háng toàn phần không xi măng hai trục linh động Dual Mobility | Bộ | 10,00 | <p>Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Cuống khớp không xi măng: Vật liệu titanium TA6V ELI phủ HA (hydroxyl apatite) phù hợp tiêu chuẩn ISO 5832-3/ASTM F136. Cổ $5^\circ 42' 30''$ góc 135° độ, côn 12/14, chiều dài cổ 42.43mm. Các cỡ và chiều dài tương ứng là: 9x130mm, 10x140mm, 11x145mm, 12x150mm, 13x155mm, 14x160mm, 15x165mm, 16x170mm, 18x180mm, 20x190mm. Khoảng cách bán kính thẳng góc của cổ và cuống khớp (Offset) tương ứng là: 9x41.5mm, 10x42.3mm, 11x43.1mm, 12x43.9mm, 13x44.8mm, 14x45.6mm, 15x46.4mm, 16x47.2mm, 18x48.0mm, 20x48.9mm</p> <p>2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu TA6V ELI đạt tiêu chuẩn iso 5832-3, phủ HA (hydroxyl apatite) theo tiêu chuẩn ISO 13779-2. ASTM F118. Có 10 cỡ đường kính: 44 - 62 mm bước tăng 2: CAP44/ CAP46/ CAP48, CAP50/ CAP52/ CAP54/ CAP56/ CAP58/ CAP60/ CAP62 không dùng vít.</p> <p>3. Lót ổ cối: Chất liệu PE dùng cho chòm đường kính 22.22 và 28 mm, mỗi lót ổ cối dùng với một ổ cối.</p> <p>4. Chòm khớp: có hai loại: Đường kính 22.22 mm: dùng với vỏ đầu chòm đường kính 38;39;40 mm. Đường kính chòm 28 mm: dùng với vỏ đầu chòm đường kính từ 41 đến 62 mm mỗi bước tăng 1 mm. Chiều dài cổ: -4; - 3.5 ; +0; +3.5; +4, +7 mm.</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|--|
| 142 | Khớp háng toàn phần chuyển động đôi Dual Mobility MOP Chuôi UTF-reduced | Bộ | 10,00 | <p>1. Ổ cối kép UDM: Mặt ngoài làm bằng Titanium Plasma Spray dày 600 μm với độ nhám 70μm mô phỏng bề mặt xương xốp. Mặt trong là lớp liner CoCr nhẵn toàn phần, thiết kế dạng bất đối xứng, có gờ vát nhẵn dày thêm 3mm tại thành trên sau ổ cối tăng khả năng chống trật chòm. Ổ cối gồm 14 cỡ từ 42mm - 68mm với bước chuyển 2mm.</p> <p>4. Lớp lót chuyển động đôi</p> <p>2. Lớp lót chuyển động đôi: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo XPE. Gờ trong của lớp lót thiết kế vát 65° giảm thiểu nguy cơ trật khớp, cho phép nối biên độ vận động lên > 180°. Lớp lót có 14 cỡ (tương thích với ổ cối từ 42 - 68) dùng được cho chòm 22.2mm, và có 12 cỡ (tương thích với ổ cối từ 46 - 68) dùng cho chòm 28mm.</p> <p>3. Chòm xương đùi: bằng chất liệu hợp kim CoCrMo ; kích thước 22.2mm (+0mm, +3mm, +6mm, +9mm), 28mm (-3mm, +0mm, +2,5mm, +5mm, +7.5mm, +10mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Chuôi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ: #0; #1; #2; #3; #4; #5; #6; #7; #8; #9; #10; #11; #12; #13; #14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm). Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p> |
| 143 | Khớp háng toàn phần chuyển động đôi Dual Mobility COP Chuôi UTF-reduced | Bộ | 10,00 | <p>1. Ổ cối kép UDM: Mặt ngoài làm bằng Titanium Plasma Spray dày 600 μm với độ nhám 70μm có phủ vi hạt HA dày 80μm kích thích mọc xương. Mặt trong là lớp liner CoCr nhẵn, thiết kế dạng bất đối xứng có gờ vát nhẵn dày thêm 3mm tại thành trên sau ổ cối tăng khả năng chống trật chòm. Ổ cối gồm 14 cỡ từ 42mm - 68mm với bước chuyển 2mm.</p> <p>2. Lớp lót chuyển động đôi: bằng Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo XPE. Gờ trong của lớp lót thiết kế vát 65° giảm thiểu nguy cơ trật khớp, cho phép nối biên độ vận động lên > 180°. Lớp lót có 14 cỡ (tương thích với ổ cối từ 42 - 68) dùng được cho chòm 22.2mm, và có 12 cỡ (tương thích với ổ cối từ 46 - 68) dùng cho chòm 28mm.</p> <p>3. Chòm xương đùi Ceramic BioloX Delta: có hình cầu, taper 12/14 và các cỡ: 22.2mm (+1mm,+3mm; +5mm) và 28mm (-2.5mm, +1mm, +4mm).</p> <p>4. Chuôi xương đùi UTF-reduced: loại cố định đầu gần, dạng nêm 2 chiều và cổ trơn, chất liệu Titanium Alloy (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang từ 22.8mm đến 43.5mm Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ #00;#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14,tương ứng với chiều dài từ 114mm ;120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ:#0; #1; #2 ;#3;#4 ;#5 ; #6 ;#7 ;#8 ;#9 ;#10 ;#11 ;#12; #13 ;#14, tương ứng với chiều dài từ 120mm; 125mm;128mm ;131mm ;134mm; 137mm; 140mm; 142mm; 144mm; 146mm; 149mm; 152mm; 155mm; 158mm; 161mm). Tiêu chuẩn FDA và CE/ISO.</p> |
| 144 | Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động kép | Bộ | 10,00 | <p>* Chuôi xương đùi: vật liệu hợp kim Titanium, phủ HA toàn chuôi dày 155μm, thiết kế rãnh ngang chống lún, rãnh dọc chống xoay. Góc cổ chuôi 135°, Neck Taper 12/14, có 10 kích cỡ T09 - T20, chiều dài 130 - 190mm, tiêu chuẩn ISO 5832-3.</p> <p>* Ổ cối: vật liệu thép không rỉ (ISO 5832-1), phủ 02 lớp: HAP 100μm (ISO 3779-1/2) trên nền Titanium 300μm (ISO 13179-1). Bề mặt tiếp xúc được đánh bóng làm giảm ma sát đến mức thấp nhất chống mài mòn, có 12 kích cỡ Ø44 – 66mm</p> <p>* Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử (ISO 5834-1/2), độ dày lớp PE tối thiểu 8.5mm, đường kính trong phù hợp đầu xương đùi, đường kính ngoài phù hợp ổ cối.</p> <p>* Đầu xương đùi: thép không rỉ (ISO 5832-1) được đánh bóng chính xác chống sự mài mòn, size: Ø22.2; 28mm.</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|---|
| 145 | Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng, thân chuôi phủ 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatid e (HA) 100µm | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống xương đùi (Stem): + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium 200µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm, thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. Chiều dài: 110mm, 115mm, 120mm, 125mm, 130mm, 135mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 170mm. + Góc cổ chuôi 135°, phần đầu taper 12/14 có nhiều rãnh siêu nhỏ tăng sự kết nối với đầu xương đùi.</p> <p>2. Đầu xương đùi (Head): + Vật liệu: Co-Cr, kích thước 22.2mm (-2, +0, +2) và 28mm (-7, -3.5, +0, +3.5, +7, +10.5mm).</p> <p>3. Ổ cối (Cup): Vật liệu: Thép không rỉ, bên ngoài được phủ 2 lớp T40 titanium 150µm và Calcium Hydroxyapatide (HA) 100µm. Chuyển động giữa Head và Liner từ 0 đến 60 độ, chuyển động giữa Liner và Cup từ 60 đến hơn 125 độ. + Kích cỡ: từ 44-62mm.</p> <p>4. Lớp đệm (Liner) : + Vật liệu: Polyethylen cao phân tử UHMWPE. + Kích thước lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 22.2mm và 28mm. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE. Xuất xứ: nhóm G7.</p> |
| 146 | Khớp háng toàn phần không xi măng PM734, Dual Mobility, chuôi phủ 500µm Titanium | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống khớp: Chất liệu Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) ISO 5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất xốp bằng công nghệ phun Plasma. Cấu trúc bề mặt có nhiều rãnh chạy dọc theo trục cuống khớp. - Kích cỡ: có 10 kích cỡ 6,25/137mm; 7,5/137mm; 8,75/139,5mm; 10/142mm; 11,25/146,5mm; 12,5/147mm; 13,75/151,5mm; 15/152mm; 17,5/157,5mm 20/162mm - Góc cổ chuôi (Neck Angle) : 135°, cổ côn 12/14 (góc trên 5°42'30"). - Offset: có 2 offset Standard (34,8-41,4mm); Lateralized (41,1-47,7mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện tử tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không.</p> <p>2. Đầu chỏm xương đùi (femoral head): Chất liệu: Hỗn hợp thép PM734 không rỉ nitro hóa cao ISO5832/9 - Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7).</p> <p>3. Ổ cối (Shell): Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V)- ISO5832/3. Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Công nghệ Ultrafit® phủ xung quanh vành ổ cối để giữ chắc chắn. - Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70mm với mỗi bước tăng 2mm. - Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút đẩy vít có thể tháo rời.</p> <p>4. Lớp lót kim loại Bioloy: Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium Molibdenum, được phủ lớp TiNbN. - Kết hợp với ổ cối theo mã màu: (44-46/đen, 48-50/vàng, 52-54/xám, 56-60/xanh dương, 62-70/đỏ)</p> <p>5. Lớp đệm Acorn: Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) không Calcium Stearate - Đường kính trong: 22mm, 28mm. - Đường kính ngoài: có 5 kích thước kết hợp với lớp lót kim loại Bioloy theo mã màu: 36/đen, 38/vàng, 40/xám, 44/xanh dương, 46/đỏ.</p> <p>6. Vít ổ cối (Screw): Titanium đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm). Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |

| | | | | |
|-----|---|----|-------|--|
| 147 | Khớp háng toàn phần không xi măng Dual Mobility, chuôi phủ 300µm Titanium + 50µm HA | Bộ | 10,00 | <p>1. Cuống khớp (Stem):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Niobium (Ti6Al7Nb) ISO 5832/11 - Lớp phủ: 2 lớp 300µm Titanium xốp nguyên chất + 50µm Hydroxyapatite bằng công nghệ phun plasma. - Kết cấu: có nhiều rãnh dọc và ngang xung quanh thân cuống khớp - Kích cỡ chuôi: có 12 kích cỡ từ 1/130,5mm - 12/190,4mm. - Góc cổ chuôi: 12/14, 5°42'30". - Offset: có 2 loại offset Standard (CCD: 135°; 40-46mm); Lateralized (CCD: 127°; 46-53,5mm) - Phương pháp khử trùng bằng tia β điện từ tăng tốc với lượng 25 kGy, hút chân không. <p>2. Đầu chòm xương đùi (Femoral head):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hỗn hợp thép PM734 không ri nitro hóa cao ISO5832/9 - Đường kính: 22mm (-2; 0; +2), 28mm (-3,5; 0; +3,5; +7). <p>3. Ó cối (Shell):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium (Ti6Al4V) - ISO5832/3.. <p>Lớp phủ: 500µm Titanium nguyên chất bằng công nghệ phun Plasma. Công nghệ Ultrafit® phủ xung quanh vành ổ cối để giữ chắc chắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ : có 15 kích cỡ từ 42–70 mm với mỗi bước tăng 2mm. - Phù hợp với lớp đệm PE và Ceramic. - Kết cấu: có hệ thống khóa giữ chặt lớp đệm, có nút đẩy vít có thể tháo rời. <p>4. Lớp lót kim loại Biology:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Cobalt Chromium Molybdenum , được phủ lớp TiNbN. - Kết hợp với ổ cối theo mã màu: (44-46/đen, 48-50/vàng, 52-54/xám, 56-60/xanh dương, 62-70/đỏ) <p>5. Lớp đệm Acorn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) không Calcium Stearate - Đường kính trong: 22mm, 28mm. - Đường kính ngoài: có 5 kích thước kết hợp với lớp lót kim loại Biology theo mã màu: 36/đen, 38/vàng, 40/xám, 44/xanh dương, 46/đỏ. <p>6. Vít ổ cối: Titanium đường kính 6.5mm, chiều dài: 20-50mm (mỗi bước tăng 5mm), 50-60mm (mỗi bước tăng 10mm).</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO</p> |
| 148 | Khớp háng toàn phần chuyên động đôi, ổ cối Pressfit có bắt vít | Bộ | 10,00 | <p>Kết hợp với dụng cụ mổ lỗi trước</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ó cối : Dạng nén ép với nhiều răng nén ép, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6AL-4V với cơ chế khóa ổ trục chịu lực, có lỗ bắt 3 vít, gồm đường kính các cỡ từ 42mm - 68mm, bước tăng 2mm. 2. Lớp lót ổ cối chuyên động kép: Chất liệu hợp kim CoCrMo có đường kính từ 34mm đến 56mm 3. Lớp lót chuyên động kép: Highly cross-linked UHMWPE Chất liệu Polyethylent cao phân tử, có đường kính ngoài từ 34mm đến 60 mm (mỗi bước tăng 2) 4. Chòm xương đùi: chất liệu CoCrMo, đường kính 22 (-3mm, 0mm), 28mm (-3,5mm, 0mm, +3,5mm, +7mm, +10,5mm). Taper 12/14 5. Chuôi khớp không dùng xi măng: chất liệu Titanium Alloy Ti-6AL-4V phủ HA. Rãnh dọc chống xoay với đường cắt xương 41 độ. Góc cổ thân 131°, cổ chuôi 12/14mm, có 10 cỡ: 7.5:114mm, 9:117mm, 10:119mm, 11:121mm, 12.5:124mm, 13.5:126mm, 15:129mm, 16:132mm, 17,5:134mm, 20:139mm. 6. Vít bắt ổ cối Titanium tự Taro có đường kính 6.5mm chiều dài từ 15-70mm. 7. Nút Vít chặn đáy ổ cối 8. Vít chặn lỗ bắt vít ổ cối <p>Tiêu chuẩn: CE</p> |
| XII | Khớp vai | | | |

| | | | | |
|-----|------------------------------------|----|-------|--|
| 149 | Bộ khớp vai bán phần có xi măng | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi cánh tay có xi măng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : (Ti6Al4V) với L 80 mm - Thân chuôi dạng nón ba phù hợp tất cả các loại giải phẫu - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. - Đủ các các loại với đường kính x chiều dài: 12x80mm ; 14x80mm ; 16x80mm; 18x80mm , 20x80mm. <p>2. Cổ chuôi (Đầu cánh tay với khoá):</p> <p>Vật liệu: hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 02 cái/ hộp. (cổ chuôi + vít khoá chuôi với cổ) - Có tối thiểu 3 kích cỡ với đường kính $\leq 16\text{mm}$, chiều cao từ $\leq 31\text{mm}$ đến $\geq 37\text{mm}$ <p>3. Đầu nối (Adaptor Tapers):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) có 4 kích cỡ 0 : +2 : +4 :+8 - Cung cấp ≤ 50 vị trí giải phẫu của chòm xương cánh tay - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. <p>4. Đầu chòm khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vật liệu : Cấu tạo bởi hợp kim CoCrMo - Có ≤ 9 kích cỡ với đường kính từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 54\text{mm}$, chiều cao từ $\leq 12.8\text{mm}$ đến $\geq 21\text{mm}$ - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái/hộp. <p>5. Xi măng kháng sinh:</p> <p>Xi măng kháng sinh với Gentamicine Cemex đóng gói tiệt trùng sẵn: một ống chứa chất lỏng tiệt trùng đặt trong một vỉ và một túi đôi tiệt trùng chứa bột.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gói bột Polyme (41.6g): Polymethyl Methacrylate (PMMA), Benzoyl peroxide (BPO), Barium sulphate (BaSO₄), Gentamicin sulfate. + Dung dịch (16.4g): Methylmethacrylate (MMA), Butylmethacrylate (BMA), Dymethyl paratoluidine (DMPT) và Hydroquinone (HQ). |
| 150 | Bộ khớp vai bán phần không xi măng | Bộ | 20,00 | <p>1. Chuôi cánh tay không xi măng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) với chiều dài từ 60- 80 mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. - Thân chuôi dạng nón ba phù hợp tất cả các loại giải phẫu - Đủ các các loại với đường kính x chiều dài: 11x60mm; 12x60mm ; 13x60mm ; 14x80mm ; 15x80mm ; 16x80mm ; 17x80mm ; 18x80mm; 19x80mm; 20x80mm; 21x80mm; 22x80mm; 23x80mm; 24x80mm. <p>2. Cổ chuôi (Đầu cánh tay với khoá):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : hợp kim Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) cùng với vít khoá - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 02 cái/ hộp. (cổ chuôi + vít khoá chuôi với cổ) - Có tối thiểu 3 kích cỡ với đường kính $\leq 16\text{mm}$, chiều cao từ $\leq 31\text{mm}$ đến $\geq 37\text{mm}$ <p>3. Đầu nối (Adaptor Tapers):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) có 4 kích cỡ 0 : +2 : +4 :+8 - Cung cấp ≤ 50 vị trí giải phẫu của chòm xương cánh tay - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. <p>4. Đầu chòm khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vật liệu : Cấu tạo bởi hợp kim CoCrMo - Có ≤ 9 kích cỡ với đường kính từ $\leq 38\text{mm}$ đến $\geq 54\text{mm}$, chiều cao từ $\leq 12.8\text{mm}$ đến $\geq 21\text{mm}$ - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái/hộp. |

| | | | | |
|-------------|---|-----|-------|---|
| 151 | Khớp vai toàn phần không xi măng loại đảo ngược | Bộ | 10,00 | <p>1. Chuôi cánh tay không xi măng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) với chiều dài từ 60- 80 mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. - Đủ các các loại với đường kính x chiều dài: 11x60mm; 12x60mm; 13x60mm; 14x80mm; 15x80mm; 16x80mm; 17x80mm; 18x80mm; 19x80mm; 20x80mm; 21x80mm; 22x80mm; 23x80mm; 24x80mm. - Thân chuôi dạng nón ba phù hợp tất cả các loại giải phẫu <p>2. Đầu cánh tay ngược với vít khoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá - Đường kính \leq 36 mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 02 cái/ hộp. <p>3. Lớp đệm Reverse liner:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UMHWPE) thiết kế theo độ dày 0 (STD); +3mm; +6mm - Khả năng điều chỉnh phần bù lên đến \leq 15mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái/hộp. <p>4. Chôm ngược</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chôm ngược đường kính 36mm - Chất liệu CoCrMo - Có 2 loại lệch tâm và không lệch tâm - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái/ hộp. <p>5. Ổ chảo + Vít nổi ổ chảo với chòm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo hợp kim Ti6Al4V + PoroTi + HA - Hình dạng lõi giúp phân bố đều tải trọng - Có 4 kích cỡ Small - R (SR) ; Small (S) ; Standard (STD) ; Large (L) - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. <p>6. Vít xương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vít xương chất liệu Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính 6.5mm dài 20 đến 40mm, bước tăng là 5mm - Đóng gói tiệt trùng từng cái/hộp |
| XIII | Bộ khớp vai bán phần dùng cho bấu xương, bao gồm: | | | |
| 152 | Chôm khớp vai | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính chòm: 36/ 38/ 40/ 42/ 44/ 46/ 48mm |
| 153 | Chốt khớp vai | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Titanium Ti6Al4V |
| 154 | Đầu trên xương cánh tay | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Titanium Ti6Al4V - Chiều dài: 47.5mm |
| 155 | Chuôi cổ định khớp vai tùy chỉnh độ dài | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim titanium Ti6Al4V - Đường kính: 9/ 10/ 11mm - Chiều dài: 90/ 110mm - Chiều dài liền chuôi: 10/ 20/ 30/ 40mm |
| XIV | Bộ khớp vai đảo ngược dùng cho bấu xương, bao gồm: | | | |
| 156 | Đầu trên xương cánh tay | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Titanium Ti6Al4V - Chiều dài: 47.5mm |
| 157 | Chuôi cổ định khớp vai tùy chỉnh độ dài | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim titanium Ti6Al4V - Đường kính: 9/ 10/ 11mm - Chiều dài: 90/ 110mm - Chiều dài liền chuôi: 10/ 20/ 30/ 40mm |
| 158 | Chôm khớp vai | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính chòm: 36/ 38/ 40/ 42/ 44/ 46/ 48mm |
| 159 | Đệm khớp vai | Cái | 2,00 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: UHMWPE - Độ dày đệm: 5/10mm |

| | | | | |
|-----------|-------------------------------------|-----|-------|---|
| 160 | Chốt cố định xương bả vai | Cái | 2,00 | - Chất liệu: Hợp kim titanium phủ nhám - Đường kính: 28mm - Độ dày: 8 mm |
| 161 | Chốt cố định đệm khớp vai | Cái | 2,00 | - Chất liệu: Hợp kim titanium - Đường kính: 36mm |
| 162 | Vít cố định khớp vai | Cái | 2,00 | - Chất liệu: Hợp kim titanium - Chiều dài: 18/ 20/ 22/ 24/ 26/ 28/ 30/ 32/ 34/ 36/ 38/ 40mm |
| 163 | Chuôi khớp nối khớp vai | Cái | 2,00 | - Chất liệu: Hợp kim Titanium Ti6Al4V - Chiều dài: 40 mm. - Đường kính: 22mm |
| 164 | Xi măng (kèm theo) | Gói | 4,00 | Độ nhớt cao Có chứa chất Zirconium dioxide, đảm bảo tối ưu hình ảnh X-Quang, giúp đánh giá sự phân phối của xi măng trong xương và xung quanh implant (để phân biệt với xương trên hình ảnh X.Quang). Đóng gói: 40g bột + 20ml dung dịch pha Tiêu chuẩn ISO 13485 |
| XV | Khớp dùng cho chi trên | | | |
| 165 | Bộ khớp quay lõi cầu ngoài nhân tạo | Bộ | 20,00 | 1. Chòm quay chất liệu Ti6Al4V tích hợp sẵn lớp đệm PE, với 5 kích cỡ 17,5mm; 19mm; 20,5mm; 22mm và 23,5mm. Mặt trên của chòm quay lõm theo cấu trúc giải phẫu, được phủ lớp TiNbn không gây dị ứng. 2. Cổ lưỡng cực chất liệu Titanium phủ thêm lớp TiNbn, tự cân chỉnh hướng tâm cho đầu chòm có thể chuyển động tự do 10 độ. Có 3 kích cỡ với các độ lệch 1mm; 2,5mm; 5mm 3. Chuôi xương quay không xi măng hình nón. Chất liệu Titanium, sản xuất theo công nghệ in 3D từ bột tạo bề mặt nguyên khối 3 chiều giúp xương mọc vào trong chuôi. Có 9 kích cỡ: 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5; 6; 7. Cung cấp kèm Bộ dụng cụ thay chòm xương quay lõi cầu ngoài và các dụng cụ hỗ trợ khi sử dụng |
| 166 | Bộ khớp bàn tay | Bộ | 10,00 | Khớp liền khối hoặc 2 khối, kích thước chòm 7-12mm, cổ thẳng hoặc cong, có đủ các loại chiều dài, độ gấp mở 0-90 độ, chuôi dài 12-20mm |

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Handwritten signature